

ĐỀ ĐỌC HIỂU ÔN TẬP – NGŨ VĂN LỚP 7 HỌC KÌ I
NGŨ LIỆU NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH SGK
BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

MỤC LỤC

STT	THỂ LOẠI	NỘI DUNG	TRANG
1	TRUYỆN NGẮN	Lưu ý cách đọc hiểu thể loại	2
		Đề số 1	2
		Đề số 2	5
		Đề số 3	8
		Đề số 4	12
		Đề số 5	15
2	THƠ BỐN CHỮ, THƠ NĂM CHỮ	Lưu ý cách đọc hiểu thể loại	18
		Đề số 1	20
		Đề số 2	23
		Đề số 3	26
		Đề số 4	29
		Đề số 5	33
3	NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	Lưu ý cách đọc hiểu thể loại	35
		Đề số 1	36
		Đề số 2	41
		Đề số 3	45
		Đề số 4	50
		Đề số 5	54
4	TRUYỆN KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG	Lưu ý cách đọc hiểu thể loại	59
		Đề số 1	60
		Đề số 2	63
		Đề số 3	67
		Đề số 4	71
		Đề số 5	74
5	TẢN VĂN, TÙY BÚT	Lưu ý cách đọc hiểu thể loại	76
		Đề số 1	77
		Đề số 2	81
		Đề số 3	85
		Đề số 4	90
		Đề số 5	94

I. TRUYỆN NGẮN

1. Lưu ý khi đọc hiểu văn bản truyện ngắn:

- Đọc kĩ văn bản, nhận biết được các yếu tố của truyện (ngôi kể, các nhân vật trong truyện, cốt truyện, lời người kể chuyện, lời nhân vật...)
- Đọc kĩ văn bản, suy nghĩ về đề tài, nội dung của truyện.
- Truyện mang đến cho người đọc những nhận thức gì, những hiểu biết gì về cuộc sống.
- Xác định tính cách nhân vật trong truyện ngắn thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ, tính cách của nhân vật, qua nhận xét của nhân vật khác trong truyện.
- Truyện mang lại thông điệp gì cho người đọc.
- Liên hệ bản thân (nếu có)

2. Một số đề đọc hiểu:

Đề số 1:

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Có một cậu bé ngộ nghịch thường bị mẹ khiển trách. Ngày nọ, giận mẹ nhưng không thể xúc phạm một cách trực tiếp, cậu chạy đến một thung lũng cạnh một khu rừng rậm. Cậu lấy hết sức mình và thét lên: “Tôi ghét người”. Cậu ngạc nhiên vô cùng vì từ khu rừng có tiếng vọng lại: “Tôi ghét người”. Cậu hoảng hốt quay về với mẹ và khóc nức nở. Cậu không thể hiểu được từ trong rừng đã có người thù ghét cậu.

Người mẹ nắm tay đưa cậu trở lại khu rừng và bảo cậu hãy hét lên: “Tôi yêu người”. Lạ lùng thay, cậu vừa dứt tiếng thì cũng có người nói vọng lại: “Tôi yêu người”. Lúc đó người mẹ mới giải thích cho cậu như sau: “Con ơi, đó là định luật trong cuộc sống của chúng ta. Con cho điều gì, con sẽ nhận điều đó. Ai gieo gió thì người đó gặt bão. Nếu con thù ghét người, thì người cũng sẽ thù ghét con. Nếu con yêu thương người, thì người cũng sẽ yêu thương con”.

Hận thù lúc nào cũng kéo theo hận thù, bạo động lúc nào cũng sinh ra bạo động. Chỉ có tình yêu mới làm phát sinh tình yêu. Bạo động và hận thù không thể là phương thế để cải tạo xã hội. Chỉ có tình yêu đích thực mới cải đổi được lòng người. Bạn hãy sống cao thượng. Bạn hãy lấy tình yêu để đáp trả lại hận thù. Tiếng vọng cao đẹp nhất của một nghĩa cử yêu thương lúc nào cũng là tiếng vọng của bình an tự trong đáy tâm hồn chúng ta.

(Tiếng vọng rừng sâu - Nguồn Internet)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Biểu cảm
- D. Thuyết minh

Câu 2. Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ ba
- D. Ngôi thứ hai và ngôi thứ ba

Câu 3. Khi giận mẹ cậu bé đã làm gì?

- A. Nói xin lỗi mẹ
- B. Trò chuyện với mẹ
- C. Chạy đến một thung lũng cạnh một khu rừng rậm
- D. Đi qua nhà bà ngoại

Câu 4. Nêu tác dụng của dấu ngoặc kép trong các câu: *Lúc đó người mẹ mới giải thích cho cậu như sau: “Con ơi, đó là định luật trong cuộc sống của chúng ta. Con cho điều gì, con sẽ nhận điều đó. Ai gieo gió thì người đó gặt bão. Nếu con thù ghét người, thì người cũng sẽ thù ghét con. Nếu con yêu thương người, thì người cũng sẽ yêu thương con”.*

- A. Dùng để đánh dấu các từ ngữ có hàm ý mỉa mai.

- B. Dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.
- C. Dùng để đánh dấu tên của các vở kịch, tác phẩm văn học, tờ báo, tập san...
dẫn trong câu văn.
- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 5. Nội dung chính của văn bản trên là gì?

- A. Kể lại câu chuyện cậu bé và người cha vào rừng săn bắn.
- B. Kể lại chuyện cậu bé cùng mẹ vào rừng dạo chơi.
- C. Kể lại chuyện cậu bé cùng bạn đi vào rừng.
- D. Kể về câu chuyện giữa cậu bé và người mẹ xung quanh “tiếng vọng” qua đó nhắc nhở chúng ta định luật về tình yêu thương trong cuộc sống.

Câu 6. Vì sao, khi vào rừng cậu bé lại hoảng hốt quay về với mẹ và khóc nức nở?

- A. Vì khi cậu thét lên “Tôi ghét người” thì có tiếng vọng lại “Tôi ghét người”.
- B. Vì cậu vào rừng sâu và gặp một con hổ.
- C. Vì cậu nhớ người mẹ của mình.
- D. Vì cậu sợ bị lạc đường.

Câu 7. Câu chuyện trên khuyên chúng ta nên có lối sống như thế nào?

- A. Biết cho đi nhiều hơn nhận lại
- B. Có lối sống cao thượng
- C. Lấy tình yêu đổi lấy hận thù
- D. Cả ba đáp án trên

Câu 8. Theo người viết, tiếng vọng cao đẹp nhất của một nghĩa cử yêu thương là:

- A. Là tiếng vọng của sự cảm thông, chia sẻ.
- B. Là tiếng vọng của bình an tự trong đáy tâm hồn chúng ta.
- C. Là tiếng vọng của sự biết ơn.
- D. Là tiếng vọng của lòng nhân ái.

Câu 9. Trong câu chuyện trên, người mẹ đã nói với con về định luật gì trong cuộc sống?

Câu 10. Thông điệp mà văn bản muốn truyền tải là gì?

GỢI Ý TRẢ LỜI

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. A	2. C	3.C	4.B	5.D	6.A	7.D	8.B
------	------	-----	-----	-----	-----	-----	-----

Câu 9. Định luật trong cuộc sống mà người mẹ đã nói với con: “Con cho điều gì, con sẽ nhận điều đó. Ai gieo gió ắt gặp bão. Nếu con thù ghét người thì người cũng thù ghét con. Nếu con yêu thương người thì người cũng yêu thương con”

Câu 10. Thông điệp: Con người nếu cho đi điều gì sẽ nhận lại được những điều như vậy. Hãy cho đi điều tốt đẹp sẽ nhận được điều tốt đẹp.

Đề số 2:

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

CON SẺ

Tôi đi dọc lối vào vườn. Con chó chạy trước tôi. Chợt nó dừng chân và bắt đầu bò, tuồng như đánh hơi thấy vật gì. Tôi nhìn dọc lối đi và thấy một con sẻ non mép vàng óng, trên đầu có một nhúm lông tơ. Nó rơi từ trên tổ xuống.

Con chó chậm rãi lại gần. Bỗng từ trên cây cao gần đó, một con sẻ già có bộ ức đen nhánh lao xuống như hòn đá rơi trước mõm con chó. Lông sẻ già dựng ngược, miệng rít lên tuyệt vọng và thảm thiết. Nó nhảy hai ba bước về phía cái mõm há rộng đầy răng của con chó.

Sẻ già lao đến cứu con, lấy thân mình phủ kín sẻ con. Giọng nó yếu ớt nhưng hung dữ và khản đặc. Trước mắt nó, con chó như một con quỷ khổng lồ. Nó sẽ hi sinh. Nhưng một sức mạnh vô hình vẫn cuốn nó xuống đất.

Con chó của tôi dừng lại và lùi... Đường như nó hiểu rằng trước mặt nó có một sức mạnh. Tôi vội lên tiếng gọi con chó đang bối rối ấy tránh ra xa, lòng đầy thán phục.

Vâng, lòng tôi đầy thán phục, xin bạn đừng cười. Tôi kính cẩn nghiêng mình trước con chim sẻ bé bỏng dũng cảm kia, trước tình yêu của nó.

(Theo I. Tước-ghê-nhép)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

- A. Miêu tả
- B. Tự sự**
- C. Biểu cảm
- D. Thuyết minh

Câu 2. Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất**
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ ba
- D. Ngôi thứ hai và ngôi thứ ba

Câu 3. Khi đi vào vườn, nhân vật “tôi” nhìn thấy điều gì?

- A. Một chú gà đang tìm thức ăn.
- B. Một chú sâu đang bò trên lá.
- C. Một đàn chim bay trên bầu trời.
- D. Một con sẻ non rơi từ trên tổ xuống.**

Câu 4. Câu văn “*Trước mắt nó, con chó như một con quỷ khổng lồ.*” sử dụng biện pháp tu từ gì?

- A. Ẩn dụ.
- B. Nhân hóa.
- C. Hoán dụ.
- D. So sánh.**

Câu 5. Đề tài của văn bản là:

- A. Lòng dũng cảm, tình yêu thương con của người mẹ.**
- B. Sức mạnh của con chim sẻ.

C. Miêu tả cuộc sống của con chim sẻ.

D. Lòng nhân hậu của con người.

Câu 6. Vì sao con chó đột ngột dừng lại không vào tới con sẻ non nữa?

A. Vì con chó thấy thức ăn khác gần đó.

B. Vì con chó muốn đi ra chỗ khác.

C. Vì con chó thấy mẹ lao đến bảo vệ con với thái độ hung dữ.

D. Vì con chó sợ con sẻ non.

Câu 7. Hành động của nhân vật chim sẻ già cho thấy điều gì?

A. Con sẻ già muốn cứu con nhưng sợ không dám lao xuống.

B. Con sẻ già rất thương con, sẵn sàng hi sinh bản thân để bảo vệ con của mình

C. Sẻ già thương con nhưng sợ con chó nên đành bay đi.

D. Sẻ già rất thương con.

Câu 8. Phó từ sẽ trong câu “Nó sẽ hi sinh.” bổ sung ý nghĩa gì?

A. Chỉ sự tiếp diễn tương tự

B. Chỉ sự cầu khiến

C. Chỉ khả năng

D. Chỉ quan hệ thời gian

Câu 9. Vì sao nhân vật tôi lại cảm thấy “lòng đầy thán phục”?

Câu 10. Theo em, ý nghĩa của câu chuyện này là gì?

GỢI Ý TRẢ LỜI

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. B	3. A	3.D	4.D	5.A	6.C	7.B	8. D
-------------	-------------	------------	------------	------------	------------	------------	-------------

Câu 9. Nhân vật tôi lại cảm thấy “lòng đầy thán phục” vì:

- Thấy được sự dũng cảm và sức mạnh của con sẻ nhỏ bé trước con chó lớn hơn nó nhiều lần.

- Cảm phục trước tình mẫu tử thiêng liêng, sẵn sàng quên mình để cứu con của sẻ già.

Câu 10. Ý nghĩa của câu chuyện: Ca ngợi hành động dũng cảm, xả thân cứu sẻ non của sẻ già. Qua đó nhắc nhở chúng ta về tình mẫu tử thiêng liêng trong cuộc sống.

Đề số 3:**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

“...Đến cuối chợ đã thấy lũ trẻ đang quây quần chơi nghịch. Chúng nó thấy chị em Sơn đến đều lộ vẻ vui mừng, nhưng chúng vẫn đứng xa, không dám vô vạp. Chúng như biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy, tuy Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với, chứ không kiêu kỳ và khinh khỉnh như các em họ của Sơn.

Thằng Cúc, con Xuân, con Tý, con Túc sán gần giương đôi mắt ngăm bộ quần áo mới của Sơn. Sơn nhận thấy chúng ăn mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ quần áo nâu bạc đã rách vá nhiều chỗ. Nhưng hôm nay, môi chúng nó tím lại, và qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi. Mỗi cơn gió đến, chúng lại run lên, hàm răng đập vào nhau.

Thằng Xuân đến mó vào chiếc áo của Sơn, nó chưa thấy cái áo như thế bao giờ. Sơn lật vạt áo thâm, chìa áo vệ sinh và áo dạ cho cả bọn xem. Một đứa tắc lưỡi, nói:

- Cái áo này mặc thì nóng lắm. Chắc mua phải đến một đồng bạc chứ không ít, chúng mày nhỉ.

Đứa khác nói:

- Ngày trước thầy tao cũng có một cái áo như thế, về sau bán cho ông lý mất.

Con Túc ngây ngô giương đôi mắt lên hỏi Sơn:

- Cái này cậu mua tận Hà Nội phải không?

Sơn ưỡn ngực đáp:

- Ở Hà Nội, chứ ở đây làm gì có. Mẹ tôi còn hẹn mua cho tôi một cái áo len nhiều tiền hơn nữa kia.

Chị Lan bỗng giơ tay vẫy một con bé, từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán, gọi:

- Sao không lại đây, Hiên? Lại đây chơi với tôi.

Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước gần đến trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:

- Sao áo của mày rách thế Hiên, áo lành đâu không mặc?

Con bé bịu xịu nói:

- Hết áo rồi, chỉ còn cái này.

- Sao không bảo u mày may cho?

Sơn bây giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Sơn thấy động lòng thương, cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn cùng nói với Hiên đùa nghịch ở vườn nhà. Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm:

- Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.

- Ủ, phải đấy. Để chị về lấy.

Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui”...

(Trích Gió lạnh đầu mùa, Thạch Lam)

Câu 1. Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ ba
- D. Ngôi thứ hai và ngôi thứ ba

Câu 2. Đoạn trích trên có những nhân vật chính nào?

- A. Lan, Thăng Cúc, con Xuân, con Tý, con Túc
- B. Sơn, Lan
- C. Sơn, Thăng Cúc, con Xuân, con Tý, con Túc
- D. Hiên, Lan, đám bạn

Câu 3. Câu nào sau đây là lời của nhân vật ?

- A. Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn với Lan và Duyên.
- B. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước gần đến trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay.
- C. Sao không lại đây, Hiên? Lại đây chơi với tôi.
- D. Con bé bịu xịu nói

Câu 4. Thái độ của chị em Sơn với những đứa trẻ trong xóm chợ là:

- A. Thân mật, hòa đồng, vui vẻ
- B. Khinh khỉnh, kiêu căng
- C. Coi thường, ghét bỏ
- D. Xa lánh, coi thường

Câu 5. Nhân vật Hiên được miêu tả như thế nào?

- A. Là một cô bé có hoàn cảnh khá giả mới may một chiếc áo bông đẹp.
- B. Là một cô bé nhà nghèo nhưng được bà chủ cho một đôi giày rất đẹp
- C. Là một cô bé tính tình nóng nảy, kiêu căng
- D. Là một cô bé nhà nghèo, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay.

Câu 6. Khi thấy Hiên chỉ mặc một cái áo rách, Sơn đã có ý nghĩ gì?

- A. Khinh thường, xem Hiên như là một đứa nhà quê
- B. Động lòng thương Hiên, giống như Sơn thương, nhớ đến em Duyên
- C. Hắt hủi, kêu mọi người xa lánh Hiên
- D. Ghét bỏ, không chơi chung với Hiên.

Câu 7. Phó từ trong câu *Sơn thấy động lòng thương, cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn cùng nói với Hiên đùa nghịch ở vườn nhà.* là:

- A. Thương
- B. Em
- C. Cũng
- D. Như

Câu 8. Khi chị Lan chạy về nhà lấy áo cho Hiên, Sơn cảm thấy như thế nào?

- A. Bình thường, không có cảm xúc gì
- B. Cảm thấy lòng ấm áp, vui vui**
- C. Cảm thấy bức mình vì mất thời gian đi chơi
- D. Cảm thấy vui vì làm được việc tốt.

Câu 9: Qua đoạn trích, em cảm nhận được nhân vật Sơn và chị Lan là người như thế nào?

Câu 10. Em đã gặp tình huống tương tự Sơn và chị Lan chưa. Nếu là em, trong hoàn cảnh đó em sẽ làm gì?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1.C	4. B	3.C	4.A	5. D	6.B	7.C	8.B
------------	-------------	------------	------------	-------------	------------	------------	------------

Câu 9: Qua đoạn trích, em cảm nhận được nhân vật Sơn và chị Lan là những người tốt bụng, trong sáng và giàu tình yêu thương.

Câu 10. HS trả lời theo trải nghiệm và suy nghĩ của bản thân.

Đề số 4:

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Rét dữ dội. Tuyết rơi. Trời đã tối hẳn. Đêm nay là đêm giao thừa.

Giữa trời đông giá rét, một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất, đang dò dẫm trong đêm tối.

Lúc ra khỏi nhà em có đi giày vải, nhưng giày vải phồng có tác dụng gì kia chứ!

Giày áy của mẹ em để lại, rộng quá em đã liên tiếp làm văng mất cả hai chiếc khi em chạy qua đường, vào lúc hai chiếc xe ngựa đang phóng nước đại.

Chiếc thứ nhất bị xe song mã nghiền, rồi dính theo tuyết vào bánh xe; thế là mất hút. Còn chiếc thứ hai, một thằng bé lượm được, cười sằng sặc đem tung lên trời. Nó còn nói với em bé rằng nó sẽ giữ chiếc giày để làm nôi cho con chó sau này.

Thế là em phải đi đất, chân em đỏ ửng lên rồi tím bầm lại vì rét.

Chiếc tạp dề cũ kĩ của em đựng đầy diêm và tay em còn cầm thêm một bao.

Em cố kiếm một nơi có nhiều người qua lại. Nhưng trời rét quá, khách qua đường đều rảo bước rất nhanh, chẳng ai đoái hoài đến lời chào hàng của em.

Suốt ngày em chẳng bán được gì cả và chẳng ai bố thí cho em chút đỉnh. Em bé đáng thương, bụng đói cật rét, vẫn lang thang trên đường. Bông tuyết bám đầy trên mái tóc dài xõa thành từng búp trên lưng em, em cũng không để ý.

Cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sự nức mùi ngỗng quay. Chả là đêm giao thừa mà! Em tưởng nhớ lại năm xưa, khi bà nội hiền hậu của em còn sống, em cũng được đón giao thừa ở nhà. Nhưng Thần Chết đã đến cướp bà em đi mất, gia sản tiêu tán, và gia đình em đã phải lìa ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân bao quanh, nơi em đã sống những ngày đầm ấm, để đến chui rúc trong một xó tối tăm, luôn luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa.

Em ngồi nép trong một góc tường, giữa hai ngôi nhà, một cái xây lùì vào chút ít.

Em thu đôi chân vào người, nhưng mỗi lúc em càng thấy rét buốt hơn.

Tuy nhiên, em không thể nào về nhà nếu không bán được ít bao diêm, hay không ai bố thí cho một đồng xu nào đem về; nhất định là cha em sẽ đánh em.

(Trích Cô bé bán diêm – An-đéc-xen)

Câu 1. Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba

D. Ngôi thứ hai và ngôi thứ ba

Câu 2: Nhân vật chính trong đoạn trích là ai?

A. Cô bé bán diêm

B. Những người đi đường

C. Người bố

D. Người bà

Câu 3: Nội dung chính của đoạn trích trên là:

A. Kể về cô bé bán diêm nhà nghèo nhưng được mọi người yêu thương, giúp đỡ.

B. Kể về hoàn cảnh đáng thương của cô bé bán diêm và sự vô cảm của mọi người.

C. Kể về người bố độc ác bắt cô bé đi bán diêm cả trong đêm giao thừa

D. Kể về đêm giao thừa cô bé bán diêm được gặp bà nội.

Câu 4: Cuộc sống của nhân vật cô bé bán diêm thể hiện qua những chi tiết nào?

A. Một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất, đang dò dẫm trong đêm tối

B. Chân em đỏ ửng hết lên rồi bầm tím lại. Tóc em xơ, em đeo chiếc tạp rề cũ kỹ, lê hết các con phố ngõ ngách để bán những bao diêm,

C. Em bé *bụng đói cật rét*, cả một ngày em chưa được ăn...

D. Cả ba đáp án trên.

Câu 5. Khi thấy cô bé bán diêm trong đêm giao thừa, thái độ của người đi đường như thế nào?

A. Nhiều người quan tâm, mua ủng hộ cho cô bé.

B. Lo lắng, hỏi thăm và cho cô bé một ít tiền.

C. Ai cũng rảo bước rất nhanh, chẳng ai đoái hoài đến lời chào hàng của em.

D. Một vài người nán lại để mua diêm cho cô bé.

Câu 6: Vì sao thời tiết rét dữ dội nhưng cô bé bán diêm không dám trở về nhà?

- A. Cô bé không dám trở về nhà vì nếu không bán được ít bao diêm, hay không ai bố thí cho một đồng xu nào đem về; nhất định là cha em sẽ đánh em.
- B. Cô bé không dám trở về nhà vì ở nhà cũng không có ai.
- C. Cô bé không dám trở về nhà vì cô bé thích đi bán diêm.
- D. Cô bé không dám trở về nhà vì cô mong gặp được bà của mình.

Câu 7. Đoạn trích trên giúp em hình dung ra hoàn cảnh sống của nhân vật như thế nào?

- A. Sung sướng, được mọi người yêu thương.
- B. Khó khăn, nghèo khổ, không có ai yêu thương, chăm sóc.
- C. Khó khăn, nghèo khổ nhưng được bố mẹ yêu thương.
- D. Sung sướng nhưng cô đơn, không có ai quan tâm.

Câu 8. Phó từ “vẫn” trong câu “Em bé đáng thương, bụng đói cật rét, vẫn lang thang trên đường.”bổ sung ý nghĩa gì?

- A. Chỉ sự tiếp diễn tương tự
- B. Chỉ sự cầu khiến
- C. Chỉ khả năng
- D. Chỉ quan hệ thời gian

Câu 9. Đoạn trích được tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì để khắc họa làm nổi bật nhân vật?

Câu 10. Theo em, tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản là gì?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. C	2.A	3.B	4.D	5.C	6.A	7.B	8.A
------	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

Câu 9. Đoạn trích được tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật đối lập – tương phản để khắc họa làm nổi bật nhân vật em bé bán diêm trong đêm giao thừa.

Câu 8: Theo em, tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản thể hiện sự thương xót, cảm thông cho số phận của đứa trẻ nghèo.

Đề số 5

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Hà lân la đến làm quen với ông họa sĩ.

- Ông ơi! Sông quê cháu nước trong ông nhỉ?

Trong, đẹp lắm cháu ạ, cháu lại đây trông ông vẽ có giống không?

- Ôi! Giống quá, mà ông... ông còn cho nó chờ bao nhiêu là thứ, ông có vẽ được hoa này không?

Từ này đến giờ đến bên ông. Hà cầm sẵn một cành hoa mận trong tay màu trắng tinh ngắt ở trước sân nhà. Hà giơ lên cho ông họa sĩ:

- Ông vẽ nó vào đi ông, ông vẽ nữa, cháu ngắt cho ông. Hay cháu dẫn ông đi, quê cháu nhiều hoa đẹp lắm cơ ông ạ.

Họa sĩ một mình lặng lẽ ngồi vẽ từ sáng, giờ có cô bạn nhỏ đến, ông thấy vui hơn. Hai ông cháu dắt nhau ra dọc bờ sông tìm các loại hoa. Hoa nào Hà cũng có một câu chuyện riêng về nó để kể cho ông nghe.

- Hoa cải vùng này ông ạ, cháu thích lắm nhưng mẹ cháu không cho hái, mẹ nói để nó đậu quả mà làm giống. Làm giống làm gì ông nhỉ? Cháu thì cháu thích nó vàng tươi để ông đến hút mật thích lắm cơ. Ông đã thấy ông đậu hoa cải bao giờ chưa?

- Ông đậu trên các loại hoa, công việc của nó cũng giống như cháu quét nhà trông em cho mẹ ấy.

- Ông có biết hoa bèo này không ông? Cháu thích màu tím bông bông trên nước lắm, cơ mà mẹ cháu lại chúa ghét.

- Vì sao?

- Vì ra hoa là bèo già rồi phải không ông – mẹ bảo bèo già lợn ăn không ngon, lợn nhai mãi răng lắm...

Cứ thế hai ông cháu hết đi lại ngồi.

Một lần họa sĩ giăng tám bản vẽ bồi giấy trắng ra. Hà như bị thu hút vào đấy hết.

- Ông ơi! Cháu ước có chiếc áo hoa như thế này thì đẹp lắm ông nhỉ.
- Thì cháu chả đang mặc áo hoa đấy là gì!
- Ôi! Cái này thì chán lắm.
- Sao lại chán, thế cháu có biết hoa này tên gọi là hoa gì không?
- Cháu chịu, hoa ấy ở tận nước nào xa lắm lắm, có cả hoa ở chỗ bác Thọ hay đi họp nữa đấy, anh cháu bảo thế. Anh bảo quê cháu không có thứ hoa này. Mặc áo hoa mà chẳng biết hoa ấy ở đâu thì chán ông nhỉ. Cháu ước có một chiếc áo hoa toàn thứ hoa ở quê cháu. Có cành này, lá này, có các loài vật nữa cháu càng thích.

Họa sĩ gật đầu. Ông hiểu ý của Hà nhiều hơn bé nói. Ông nhớ lại đã bao nhiêu lần ông đặt giá vẽ lên bãi sông này. Và ông đã gặp bao nhiêu cô, chú bé. Có điều là mỗi cô, chú bé đến với ông bằng một cách. Và mỗi đứa cũng rủ rủ với ông bằng một chuyện khác nhau. Thường thì các chú bé thích được ông cho cầm bút vẽ lên giấy. Riêng bé Hà không thế. Bé dẫn chuyện và kể với ông những điều làm ông thích thú đến tò mò. Cô bé có đôi mắt sáng và đôi môi chúm lại vừa kín đáo vừa ngây thơ.

(Trích Người họa sĩ già với chiếc áo hoa - Thúy Bắc)

Câu 1. Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ ba**
- D. Ngôi thứ tư

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên là:

- A. Miêu tả
- B. Nghị luận
- C. Biểu cảm
- D. Tự sự**

Câu 3. Đoạn trích trên có những nhân vật chính nào?

- A. Họa sĩ
- B. Người cha
- C. Họa sĩ và bé Hà**
- D. Bé Hà

Câu 4. Câu nói “Ông ơi! Cháu ước có chiếc áo hoa như thế này thì đẹp lắm ông nhỉ.” là lời của ai?

- A. Lời của người kể chuyện.
- B. Lời của nhân vật bé Hà.**
- C. Lời của nhân vật người mẹ.
- D. Lời của nhân vật họa sĩ.

Câu 5. Em có nhận xét gì về tính cách của người họa sĩ?

- A. Là người kiêu căng, khó gần.
- B. Là người không thích trẻ nhỏ
- C. Là một họa sĩ già khó tính.
- D. Là người hòa đồng, gần gũi với trẻ nhỏ, hiểu những tâm sự của con trẻ.**

Câu 6. Phó từ trong câu “Và ông đã gặp bao nhiêu cô, chú bé.” là:

- A. Và
- B. Đã**
- C. Gặp
- D. Bao nhiêu

Câu 7. Theo em, đề tài rõ nhất được nói đến trong đoạn trích là đề tài gì?

- A. Đề tài về tình cảm của con người với phong cảnh quê hương.**

B. Đề tài vẽ tranh.

C. Đề tài về phong cảnh thiên nhiên.

D. Đề tài về nghề họa sĩ.

Câu 8. Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu “Ông đậu trên các loại hoa, công việc của nó cũng giống như cháu quét nhà trông em cho mẹ ấy.” là gì?

A. Nhân hóa

B. Ẩn dụ

C. So sánh

D. Hoán dụ

Câu 9. Trong đoạn trích, ước mơ của bé Hà là gì. Em có suy nghĩ gì về ước mơ này?

Câu 10. Nhân vật bé Hà có điểm gì giống với em? Câu chuyện của bé Hà mang đến điều gì mà em thích nhất?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1.C	2. D	3.C	4.B	5.D	6.B	7.A	8.C
-----	------	-----	-----	-----	-----	-----	-----

Câu 9. Trong đoạn trích, ước mơ của bé Hà là: *ước có một chiếc áo hoa toàn thứ hoa ở quê của bé Hà. Chiếc áo có cành, lá và các loài vật.*

Suy nghĩ của em về ước mơ này: ước mơ giản dị, nhỏ bé nhưng thể hiện tình cảm của bé Hà dành cho thiên nhiên, cho quê hương.

Câu 10. Nhân vật bé Hà có điểm gì giống với em? Câu chuyện của bé Hà mang đến điều gì mà em thích nhất? (Hs tự trình bày theo suy nghĩ của mình).

II. THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ

1. Lưu ý khi đọc hiểu thơ bốn chữ, năm chữ

- Đọc bài thơ/ đoạn thơ để xác định được thể loại qua các yếu tố như số tiếng, số dòng, vần, nhịp.
- Thơ bốn chữ, năm chữ thường sử dụng nhịp nhanh, gấp gáp. Nên đánh giá tác dụng nhịp thơ đó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả.
- Đọc kĩ bài thơ/ đoạn thơ để hình dung chủ thể trữ tình - người đang giải bày, thổ lộ tình cảm trong thơ và cảm nhận ý thơ qua hình ảnh, từ ngữ...
- Xác định chủ đề của bài thơ/ đoạn thơ. Tìm hiểu ý nghĩa của hình ảnh và cấu trúc các hình ảnh trong việc thể hiện bức tranh thế giới trong bài thơ.
- Nhận biết và nêu từ ngữ, các biện pháp nghệ thuật đặc sắc.
- Liên tưởng, tưởng tượng để hình dung thế giới xã hội, con người... được tác giả thể hiện qua ngôn ngữ thơ.
- Phân tích ngôn ngữ, hình ảnh thơ để khám phá nội dung, cảm xúc của nhân vật trữ tình. Suy nghĩ để cảm nhận tư tưởng, quan niệm của tác giả thể hiện qua nội dung của bài thơ/ đoạn thơ.
- Liên hệ bản thân (nếu có).

2. Một số đề đọc hiểu

Đề số 1

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

*Khi đang là hạt
Cầm trong tay mình
Chưa gieo xuống đất
Hạt nằm lặng thinh.*

*Khi hạt nảy mầm
Nhú lên giọt sữa
Mầm đã thì thầm*

Ghé tai nghe rõ.

*Mầm tròn nằm giữa
Vỏ hạt làm nôi
Nghe bàn tay vỗ
Nghe tiếng ru hời ...*

*Khi cây đã thành
Nở vài lá bé
Là nghe màu xanh
Bắt đầu bập bẹ.*

*Rằng các bạn ơi
Cây chính là tôi
Nay mai sẽ lớn
Góp xanh đất trời.*

(Lời của cây – Trần Hữu Thung)

Câu 1. Bài thơ trên viết theo thể thơ gì?

- A. Thơ bốn chữ
- B. Thơ năm chữ
- C. Thơ lục bát
- D. Thơ tự do

Câu 2. Chủ đề của bài thơ là:

- A. Bài thơ thể hiện tình yêu đối với những con vật đáng yêu
- B. Bài thơ miêu tả về sự phát triển của cây.
- C. Bài thơ nói về một lần về quê của tác giả.
- D. Bài thơ thể hiện tình yêu thương, trân trọng những mầm xanh thiên nhiên.

Câu 3: Cách gieo vần của bài thơ là:

- A. Gieo vần lưng *mình-thinh; mầm-thâm*

B. Gieo vần chân: *mình-thình; mầm-thâm*.

C. Gieo vần liền: *mình-thình; mầm-thâm*.

D. Gieo vần đặc biệt.

Câu 4: Hai câu thơ: *Mầm đã thì thâm/Ghé tai nghe rõ*” sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

A. So sánh.

B. Nói quá.

C. Nhân hóa.

D. Ẩn dụ.

Câu 5: Tác dụng của việc ngắt nhịp lẻ trong câu “ *Rằng/các bạn ơi*” là gì?

A. Nhấn mạnh vào khao khát của cây khi muốn được con người hiểu và giao cảm.

B. Làm cho bài thơ độc đáo hơn

C. Nhấn mạnh lời của tác giả.

D. Tăng hiệu quả trong giao tiếp.

Câu 6. Lời của tác giả được thể hiện trong những khổ thơ nào?

A. Khổ 1,2,3,5

B. Khổ 1,2,3,4

C. Khổ 1,2,3,4,5

D. Khổ 1,2,3,5,6

Câu 7. Phó từ trong câu thơ “*Khi cây đã thành*” là:

A. **đã**

B. khi

C. cây

D. thành

Câu 8. Trong bài thơ trên, thái độ, tình cảm của tác giả với cây là gì?

A. Tác giả yêu quý thiên nhiên

B. Tác giả hòa mình với thiên nhiên

C. Tác giả quan sát những biến đổi của thiên nhiên

D. Tác giả chú tâm quan sát từng biến đổi của thiên nhiên, nâng niu, trân trọng thiên nhiên.

Câu 9. Quá trình sinh trưởng của cây được tác giả cảm nhận và miêu tả qua những hình ảnh, từ ngữ đặc sắc nào?

Câu 10. Theo em, thông điệp tác giả muốn gửi gắm qua văn bản là gì?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1.B	2.D	3.B	4.C	5.A	6.C	7.A	8.D
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

Câu 9. Quá trình sinh trưởng của cây được tác giả cảm nhận và miêu tả qua những hình ảnh, từ ngữ đặc sắc :

Hạt nằm lặng thình → nhú lên giọt sữa, biết nói thì thầm

→ mầm tròn nằm giữa, vỏ hạt làm nôi → kiếng gió, mưa, mầm mở mắt

→ Cây đã thành, nở vài lá bé → bắt đầu bập bẹ.

Câu 10. Thông điệp:

Hãy lắng nghe lời cỏ cây, loài vật để biết yêu thương, nâng đỡ sự sống ngay từ khi sự sống ấy mới là những mầm non bởi mỗi con người, sự vật, dù là nhỏ bé, đều góp phần tạo nên sự sống như hạt mầm góp màu xanh cho đất trời.

Đề số 2

Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về*

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu*

*Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã vơi dần cơn mưa
Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi.*

(Sang thu – Hữu Thỉnh)

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ gì?

- A. Thơ bốn chữ
- B. Thơ năm chữ**
- C. Thơ lục bát
- D. Thơ tự do

Câu 2. Đặc điểm của thể thơ trên là gì?

- A. Mỗi dòng có 5 tiếng; mỗi khổ thơ có 4 dòng.**
- B. Mỗi dòng có 4 tiếng; mỗi khổ thơ có 5 dòng.
- C. Mỗi dòng có 7 tiếng; mỗi khổ thơ có 4 dòng.
- D. Mỗi dòng có 8 tiếng; mỗi khổ thơ có 4 dòng.

Câu 3. Bài thơ trên sử dụng những phương thức biểu đạt nào?

- A. Miêu tả
- B. Tự sự
- C. Biểu cảm
- D. Cả 3 đáp án trên**

Câu 4. Bài thơ này nói về khoảnh khắc giao mùa giữa:

- A. Mùa hạ sang mùa thu**
- B. Mùa thu sang mùa đông
- C. Mùa đông sang mùa xuân
- D. Mùa xuân sang mùa hạ

Câu 5. Câu thơ “Có đám mây mùa hạ/Vắt nửa mình sang thu” sử dụng biện pháp nghệ thuật đặc sắc nào?

- A. So sánh
- B. Hoán dụ.
- C. Nhân hóa**
- D. Ẩn dụ.

Câu 6. Phó từ trong câu thơ “*Vẫn còn bao nhiêu nắng*” là từ nào?

- A. **Vẫn**
- B. còn
- C. Bao nhiêu
- D. Nắng

Câu 7. Tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa trong câu “*Chim bắt đầu vội vã*” là gì?

- A. Làm cho sự vật sinh động, gần gũi với con người.
- B. Cho thấy sự vật như chờ mùa thu và lưu luyến mùa hạ với cảm xúc say sưa.
- C. Cho thấy tâm hồn giao cảm với thiên nhiên của tác giả.
- D. **Cả ba đáp án trên**

Câu 8. Trong bài thơ trên, hình ảnh thiên nhiên vào thời điểm giao mùa có đặc điểm gì?

- A. Sôi động, náo nhiệt
- B. Bình lặng, ngưng đọng
- C. **Nhẹ nhàng, giao cảm**
- D. Xôn xao, rộn ràng

Câu 9. Theo em, ý nghĩa của hai câu thơ cuối là gì?

Câu 10. Qua nội dung của bài thơ, chia sẻ cảm nhận của em về hình ảnh thiên nhiên lúc giao mùa.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. B	2. A	3. D	4.A	5.C	6.A	7.D	8.C
------	------	------	-----	-----	-----	-----	-----

Câu 9.

Hai câu thơ trên sử dụng biện pháp tu từ Ẩn dụ.

Ý nghĩa: Đất trời sang thu khiến lòng người cũng băng khuâng, cảm xúc, gọi bao suy nghĩ về đời người lúc sang thu. Mùa thu đến không chỉ làm cho cảnh vật thay

đổi mà suy nghĩ của con người cũng thay đổi. Con người từng trải sẽ vững vàng hơn trước những thử thách của cuộc đời.

Câu 10. HS chia sẻ theo cảm nhận của cá nhân.

Đề số 3

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực Tàu, giấy đỏ
Bên phố đông người qua

Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài:
“Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa, rồng bay”
(Trích Ông đồ - Vũ Đình Liên)

Câu 1. Bài thơ trên viết theo thể thơ gì?

- E. Thơ bốn chữ
- F. Thơ năm chữ**
- G. Thơ lục bát
- H. Thơ tự do

Câu 2. Chủ đề của bài thơ là gì?

- A. Khi hoa mai nở, báo hiệu mùa xuân đã đến.
- B. Khi kì nghỉ hè đã đến và học sinh nghỉ học.
- C. Khi phố phường tấp nập, đông đúc.
- D. Khi mùa xuân về, hoa đào nở rộ.**

Câu 3: Hình ảnh ông đồ trong đoạn thơ gắn bó với vật dụng nào dưới đây?

- A. Chiếc cày, con trâu, gầu thuổng.

B. Nghiên bút, mực tàu, giấy đỏ, bức liễn.

C. Bàn ghế, giáo án, học sinh.

D. Chiếc gậy, quẻ xăm, vật dụng bói toán.

Câu 4: Hai câu thơ: “Hoa tay thảo những nét/ Như phượng múa rồng bay” nói lên điều gì?

A. Ông đồ vẽ hình rất đẹp.

B. Ông đồ viết văn rất hay.

C. Ông đồ có hoa tay, viết câu đối rất đẹp.

D. Ông đồ có nét chữ bình thường.

Câu 5: Ngày nay, cách viết chữ, câu đối, câu thơ trên các trang giấy thường được gọi là gì?

A. Nghệ thuật viết thư pháp.

B. Nghệ thuật vẽ tranh.

C. Nghệ thuật viết văn bản.

D. Nghệ thuật trang trí hình ảnh bằng bút.

Câu 6. Câu thơ “*Hoa tay thảo những nét/Như phượng múa, rồng bay*” sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

E. Nhân hóa

F. Ẩn dụ

G. So sánh

H. Hoán dụ

Câu 7. Phó từ trong câu thơ “*Mỗi năm hoa đào nở*” là:

A. Mỗi

B. Năm

C. Hoa

D. Nở

Câu 8. Trong đoạn thơ trên, thái độ của mọi người với ông đồ như thế nào?

A. Được mọi người khen ngợi

B. Bị mọi người xa lánh

C. Bị mọi người quên lãng

D. Được mọi người yêu quý, khen ngợi

Câu 9. Cảnh và người ở hai khổ thơ trên hiện lên như thế nào?

Câu 10. Đoạn thơ trên nói về nét đẹp văn hóa của người Việt Nam vào ngày Tết. Đó là nét đẹp gì? Ghi lại suy nghĩ của em về nét đẹp văn hóa đó.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1.B	2.D	3.B	4.C	5.A	6.C	7.A	8.D
------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------

Câu 9.

Cảnh và người ở hai khổ thơ trên hiện lên:

- Cảnh hiện lên phần đầu bài thơ: hoa đào nở, phố đông người => không khí đông vui tấp nập của ngày Tết.

- Người hiện lên phần đầu bài thơ: ông đồ già với mực tàu, giấy đỏ, bao nhiêu người thuê viết => hình ảnh gần gũi quen thuộc trong mỗi dịp Tết.

Câu 10. Đoạn thơ trên nói về nét đẹp văn hóa của người Việt Nam vào ngày Tết. Đó là tục “xin chữ” mỗi dịp Tết của nhân dân ta. Xin chữ đầu năm cũng là một cách để người ta thể hiện sự coi trọng đạo học. Viết chữ trên giấy đỏ để mong muốn một năm may mắn và nhiều tài lộc. Đây là một nét đẹp văn hóa nên được duy trì.

Đề số 4

Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

Con chim chiền chiện

Bay vút, vút cao

Lòng đầy yêu mến

Khúc hát ngọt ngào.

*Cánh đập trời xanh
Cao hoài, cao vợi
Tiếng hót long lanh
Như cành sương chói.*

*Chim ơi, chim nói
Chuyện chi, chuyện chi?
Lòng vui bồi rối
Đời lên đến thì...*

*Tiếng ngọc trong veo
Chim gieo từng chuỗi
Lòng chim vui nhiều
Hát không biết mỏi.*

*Chim bay, chim sà
Lúa tròn bụng sữa
Đồng quê chan chứa
Những lời chim ca.*

*Bay cao, cao vút
Chim biến mất rồi
Chỉ còn tiếng hót
Làm xanh da trời...*

*Con chim chiến chiến
Hồn xanh quê nhà*

Sáng nay lại hót

Tưng bừng lòng ta.

(*Con chim chiến chiến* – Huy Cận)

Câu 1. Bài thơ trên viết theo thể thơ gì?

- A. Thơ lục bát
- B. Thơ bốn chữ**
- C. Thơ năm chữ
- D. Thơ tự do

Câu 2. Đặc điểm của thể thơ trên là gì?

- A. Mỗi dòng có 4 tiếng; mỗi khổ thơ có 4 dòng.**
- B. Mỗi dòng có 4 tiếng; mỗi khổ thơ có 5 dòng.
- C. Mỗi dòng có 7 tiếng; mỗi khổ thơ có 4 dòng.
- D. Mỗi dòng có 8 tiếng; mỗi khổ thơ có 4 dòng.

Câu 3. Những từ ngữ và chi tiết nào làm nổi bật hình ảnh con chim chiến chiến tự do bay lượn giữa không gian cao rộng?

- A. *Chim bay chim sà / Lúa tròn bụng sữa*
- B. *Lòng chim vui nhiều / Hót không biết mỏi.*
- C. *Cánh đập trời xanh / Chim biến mất rồi.*
Chỉ còn tiếng hót / làm xanh da trời.
- D. Cả ba đáp án trên**

Câu 4. Chủ đề của bài thơ trên là gì?

- A. Bài thơ miêu tả những con chim chiến chiến bay giữa trời xanh.
- B. Bài thơ miêu tả cảnh vật thanh bình, yên ả.
- C. Bài thơ thể hiện tình yêu với quê hương của tác giả.
- D. Bài thơ thể hiện niềm vui hân hoan của con người trước cảnh vật tươi đẹp, thanh bình và thiên nhiên đang mời gọi con người vui chung.**

Câu 5. Con chim chiến chiến bay lượn giữa khung cảnh thiên nhiên như thế nào?

- A. Chim bay vút, bay cao, bay mãi trên bầu trời.

- B. Chim bay mãi không biết mỏi, vượt qua mọi nơi.
- C. **Chim bay lượn trên cánh đồng lúa giữa một không gian rất cao, rất rộng.**
- D. Chim bay vút lên tận trời xanh, qua những cánh đồng lúa.

Câu 6. Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ *Tiếng hót long lanh/ Như cành sương chói* là gì?

- A. **So sánh**
- B. Ẩn dụ
- C. Điệp ngữ
- D. Nói quá

Câu 7. Dòng nào sau đây nêu đúng những từ ngữ trong bài miêu tả tiếng hót của chim chiến chiến?

- A. Ngọt ngào, thánh thót, chan chứa, làm xanh da trời.
- B. **Ngọt ngào, long lanh, vui bồi rồi, ngọc trong veo, chan chứa, làm xanh da trời.**
- C. Ngọt ngào, long lanh, làm xanh da trời.
- D. Ngọt ngào, vui bồi rồi, lạnh lót, chan chứa,

Câu 8. Tiếng hót của chim chiến chiến gợi cho em những cảm giác như thế nào?

- A. Gợi cho cảm giác về một cuộc sống thanh bình, hạnh phúc.
- B. Gợi cho em một cuộc sống hạnh phúc, tự do.
- C. Gợi cho em tình yêu cuộc sống, yêu mọi người.
- D. **Cả ba đáp án trên.**

Câu 9. Ghi lại cảm nhận của em về hình ảnh “con chim chiến chiến” trong bài thơ.

Câu 10. Trong bài thơ, “con chim chiến chiến” không chỉ báo hiệu niềm vui mà còn góp phần bé nhỏ của mình làm cuộc sống thêm đẹp. Trong tương lai, em dự định sẽ làm gì để cuộc đời mình trở nên có ý nghĩa.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. B	2. A	3. D	4.D	5.C	6.A	7.B	8.D
------	------	------	-----	-----	-----	-----	-----

Câu 9. Cảm nhận của em về hình ảnh “con chim chiền chiện” trong bài thơ:

Con chim chiền chiện và tiếng hót của nó là hình ảnh trung tâm của bài thơ. Đó là hình ảnh vừa gần gũi, quen thuộc, vừa là biểu tượng cho bầu trời tự do. Tiếng hót của chim trong trẻo, lan tỏa khắp không trung, báo hiệu mùa xuân tươi sáng, thanh bình, ấm no, hạnh phúc.

Câu 10. HS trình bày theo suy nghĩ của bản thân về ước mơ của mình.

Đề số 5

Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

*Cánh diều no gió
Sáo nó thổi vang
Sao trời trôi qua
Diều thành trăng vàng*

*Cánh diều no gió
Tiếng nó trong ngần
Diều hay chiếc thuyền
Trôi trên sông Ngân*

*Cánh diều no gió
Tiếng nó chơi vơi
Diều là hạt cau
Phơi trên nong trời*

Trời như cánh đồng

*Xong mùa gặt hái
Điều em - hỡi liềm
Ai quên bỏ lại*

*Cánh diều no gió
Nhạc trời réo vang
Tiếng diều xanh lúa
Uốn cong tre làng*

*Oi chú hành quân
Cô lái máy cày
Có nghe phoi phới
Tiếng diều lượn bay?*

*Tiếng diều vàng nắng
Trời xanh cao hơn
Dây diều em cầm
Bên bờ hồ bom...*

(Thả diều, Trần Đăng Khoa)

Câu 1. Bài thơ trên viết theo thể thơ gì?

- A. Thơ lục bát
- B. Thơ tự do
- C. Thơ năm chữ
- D. Thơ bốn chữ

Câu 2. Bài thơ trên nhắc đến trò chơi dân gian nào?

- A. Thả diều
- B. Kéo co
- C. Chơi chuyền

D. Chơi ô ăn quan

Câu 3. Trong bài thơ, những hình ảnh nào biểu hiện sự liên tưởng độc đáo của tác giả?

- A. Trắng vàng, chiếc thuyền
- B. **Trắng vàng, chiếc thuyền, hạt cau, lưỡi liềm**
- C. Trắng vàng, hạt cau
- D. Lưỡi liềm, trắng vàng, chiếc thuyền

Câu 4. Bức tranh thiên nhiên nông thôn trong bài thơ hiện lên như thế nào?

- A. Bức tranh thiên nhiên với những hình ảnh quen thuộc.
- B. Bức tranh thiên nhiên rộng lớn qua các mùa, gắn liền với cuộc sống sinh hoạt của người nông dân Việt Nam.
- C. Có hình ảnh “hố bom” – một biểu tượng của chiến tranh.
- D. **Cả ba đáp án trên.**

Câu 5. Hai câu thơ “Sao trời trôi qua/ Diều thành trắng vàng” tả cảnh diều vào lúc nào?

- A. Buổi sáng
- B. Buổi trưa
- C. Buổi chiều
- D. **Buổi đêm**

Câu 6. Câu thơ *Tiếng nó trong ngân* sử dụng biện pháp tu từ nào?

- A. So sánh
- B. Ẩn dụ
- C. **Nhân hóa**
- D. Điệp ngữ

Câu 7. Chủ đề của bài thơ là gì?

- A. **Tả vẻ đẹp của cánh diều bay lượn trên bầu trời quê hương.**
- B. Tả vẻ đẹp của trắng vàng trên bầu trời quê hương.
- C. Tả vẻ đẹp của bầu trời quê hương.

D. Tả vẻ đẹp của cánh đồng lúa quê hương.

Câu 8. Hai câu thơ “Tiếng điều xanh lúa / Uốn cong tre làng” thể hiện nội dung nào dưới đây:

A. Tiếng sáo điều uốn cong lũy tre làng.

B. Tiếng sáo điều làm lúa lên xanh hơn, cây tre làng uốn cong hơn.

C. Tiếng sáo điều hay đến mức khiến đồng lúa, lũy tre trở nên đẹp hơn.

D. Tiếng sáo điều làm xanh cánh đồng lúa.

Câu 9. Ghi lại những hình ảnh so sánh được sử dụng trong bài thơ.

Câu 10. Theo em, câu thơ “*Dây điều em cầm/ Bên bờ hồ bom...*” có ý nghĩa gì?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. D	2. A	3. B	4. D	5. D	6. C	7. A	8. C
------	------	------	------	------	------	------	------

Câu 9. Những hình ảnh so sánh được sử dụng trong bài thơ là:

Điều – trắng vàng

Điều – chiếc thuyền

Điều – hạt cau

Điều – lưỡi liềm

Trời như cánh đồng

Câu 10. Theo em, câu thơ “*Dây điều em cầm/ Bên bờ hồ bom...*” có ý nghĩa: Tác giả muốn khẳng định sức sống bất diệt của con người Việt Nam trước sự tàn khốc của chiến tranh.

III. NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

1. Một số lưu ý khi đọc hiểu văn bản nghị luận văn học

- Đọc tên của văn bản để xác định luận đề của văn bản (cần trả lời câu hỏi: văn bản viết/ bàn về vấn đề gì? Mục đích của văn bản là gì?)

- Đọc các tiêu đề, các câu đứng ở đầu, cuối mỗi đoạn hoặc những câu then chốt để nhận diện hệ thống luận điểm của văn bản (với những văn bản nghị luận hiện đại); chia văn bản theo bố cục và xác định ý chính/ luận điểm của mỗi phần (với văn nghị luận trung đại).

- Tóm tắt được các nội dung chính của văn bản (dựa trên hệ thống luận điểm).

- Nhận biết, phân tích các luận cứ (lí lẽ, dẫn chứng làm nổi bật luận điểm.

- Xác định cách lập luận của văn bản hoặc các hình thức kết cấu, tổ chức văn bản, mối quan hệ giữa các luận điểm.

- Nhận biết, phân tích được ngôn ngữ của văn bản.

- Nhận ra luận điểm trung tâm của văn bản, thể hiện rõ chủ đề của văn bản và tư tưởng của tác giả. Phán đoán mục đích viết và tư tưởng của tác giả gửi gắm trong văn bản,

- Đánh giá về hình thức và nội dung của văn bản.

- Chỉ ra được ý nghĩa hay tác động của vấn đề bàn luận, rút ra những bài học liên hệ.

2. Một số đề đọc hiểu

Đề số 1

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

VỀ ĐẸP CỦA BÀI THƠ *TIẾNG GÀ TRƯA*

1. Khổ thơ đầu kể chuyện anh bộ đội trên đường hành quân, khi dừng chân bên một xóm nhỏ, nghe tiếng gà nhảy ổ. Dòng thơ thứ tư *Cục... cục tác cục ta* với việc lặp âm và dấu chấm lửng đã mô phỏng sát với tiếng gà, làm cho truyện kể như được lồng vào một bức tranh nổi có tiếng gà vang vọng trong không gian. Tiếng gà trưa này của Xuân Quỳnh khác với tiếng gà *Ồ ó...o* của Trần Đăng Khoa, nó có một cái gì lắng đọng làm người ta xao xuyến, bồi hồi:

Nghe xao động nắng trưa

Nghe bàn chân đỡ mỏi

Nghe gọi về tuổi thơ

Lối dùng ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, lấy thính giác (nghe) thay cho thị giác (thấy) và việc lặp lại ba lần ở đầu dòng thơ động từ “nghe” có tác dụng đem lại ấn tượng như tiếng gà ngưng lại, làm xao động không gian và cũng làm xao động cả lòng người. Tiếng gà cũng làm kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ.

2. Khổ thơ thứ hai, cứ một câu là kể và tiếp theo sau là câu tả:

Tiếng gà trưa

Ở rơm hồng những trứng

Này con gà mái mơ

Khắp mình họa đốm trắng

Này con gà mái vàng

Lông óng như màu nắng

Những câu tả có kết cấu sóng đôi và lặp từ vựng đều mở đầu bằng từ này, là từ để chỉ và để lưu ý người nghe tưởng tượng:

- *Này con gà mái mơ*

- *Này con gà mái vàng*

Việc đảo *khắp mình* lên trước *họa đốm trắng* làm cho bức tranh gà mái mơ trở nên đẹp lộng lẫy. Việc dùng so sánh tu từ *Lông óng như màu nắng* làm cho bức tranh gà mái vàng trở nên đẹp rực rỡ.[...] Chính cái cảnh đẹp có thật mà xuất hiện như do một phép lạ là tiếng gà trưa đã đưa anh chiến sĩ trở lại kỉ niệm về người bà tần tảo, suốt đời lo toan để cho cháu được vui sướng.

3. Tất cả sáu dòng thơ của khổ thơ dưới đây chỉ làm thành một câu đơn phát triển với những thành phần chính và phụ được tách biệt ra thành từng dòng riêng. Sáu dòng thơ đều gồm năm tiếng, nhưng mỗi dòng lại có một cách ngắt nhịp khác dòng kia:

Cứ hằng năm, / hằng năm

Khi gió mùa đông tới

Bà lo / đàn gà toi

Mong trời / đừng sương muối

Để cuối năm / bán gà

Cháu được / quần áo mới

Do đó, nhịp điệu của các dòng thơ là một nhịp điệu chậm rãi của độc thoại, bên trong đầy chất suy tưởng. Và những dòng thơ cuối cùng của khổ thơ này xuất hiện thật bất ngờ, thật cảm động: *Để cuối năm bán gà / Cháu được quần áo mới*. Một chi tiết nhỏ bé, đơn giản là thế mà chứa đựng một tình yêu thương sâu sắc, vô bờ bến của bà.

4. Khổ thơ cuối cùng hay nhất, cảm động nhất, nó chứa đựng những tình cảm thiêng liêng, cao quý, sâu sắc và chân thành của tác giả và cũng là của anh chiến sĩ đang trên con đường hành quân:

Cháu chiến đấu hôm nay

Vì lòng yêu Tổ quốc.

Vì xóm làng thân thuộc

Bà ơi, cũng vì bà

Vì tiếng gà cục tác

Ổ trứng hồng tuổi thơ.

Không nén lại được tình cảm yêu quý và biết ơn đối với bà, anh chiến sĩ thốt lên tiếng gọi thật cảm động, làm cho lời nói độc thoại bên trong hiển hiện như lời đối thoại sống động. Việc lặp lại nhiều lần từ *Vì* ở đầu các dòng thơ góp phần biểu hiện ý chí chiến đấu mạnh mẽ vì Tổ quốc, vì nhân dân, trong đó bao gồm cả những người thân yêu trong gia đình mình, mà ở đây ghi đậm dấu ấn là người bà yêu quý với bao kỉ niệm êm đềm của tuổi thơ.

(Theo *Vẻ đẹp ngôn ngữ văn học qua các bài tập đọc lớp 4, 5*, NXB Giáo dục, 2002)

Câu 1. Đoạn trích trên viết về vấn đề gì?

A. Phân tích cái hay cái đẹp của bài “Tiếng gà trưa” và cảm nhận của tác giả về bài thơ.

B. Miêu tả khung cảnh làng quê.

C. Kể lại chuyện hành quân của người lính.

D. Giới thiệu về nhà thơ Xuân Quỳnh.

Câu 2. Theo em, mục đích chính của người viết đoạn trích trên là gì?

A. Ca ngợi vùng quê yên mình.

B. Ca ngợi những người lính dũng cảm, kiên cường.

C. Nói về tình yêu quê hương sâu sắc của người cháu trên đường hành quân.

D. Chỉ ra những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Tiếng gà trưa”.

Câu 3. Những câu văn nào sau đây có sử dụng bằng chứng là biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.

A. Việc đảo *khắp mình* lên trước *hoa đốm trắng* làm cho bức tranh gà mái mơ trở nên đẹp lộng lẫy.

B. Việc dùng so sánh tu từ *Lông óng như màu nắng* làm cho bức tranh gà mái vàng trở nên đẹp rực rỡ.

C. Lối dùng ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, lấy thính giác (nghe) thay cho thị giác (thấy) và việc lặp lại ba lần ở đầu dòng thơ động từ “nghe” có tác dụng đem lại ấn tượng như tiếng gà ngưng lại, làm xao động không gian và cũng làm xao động cả lòng người.

D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 4. Những từ ngữ, hình ảnh nào trong bài thơ “Tiếng gà trưa” đã được tác giả nhắc lại trong bài viết.

A. Cánh điều tuổi thơ.

B. Trò chơi ô ăn quan với những kỉ niệm đẹp

C. Con gà mái mơ, con gà mái vàng.

D. Con mèo mướp dưới hiên nhà.

Câu 5. Công dụng của dấu chấm lửng trong câu “Việc dùng so sánh tu từ *Lông óng như màu nắng* làm cho bức tranh gà mái vàng trở nên đẹp rực rỡ. [...]” có tác dụng gì?

A. Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết;

B. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng;

C. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.

D. Tất cả đáp án trên đều sai.

Câu 6. Phó từ trong câu “Tiếng gà cũng làm kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ.” là:

A. Tiếng, gà

B. Cũng, những

C. Kỉ niệm, của

D. Tuổi thơ, của

Câu 7. Bài thơ *Tiếng gà trưa* được tác giả phân tích theo thứ tự nào?

A. Theo thứ tự từ hiện tại quay trở về quá khứ

B. Theo thứ tự từ hiện tại tới tương lai.

C. Theo thứ tự từ quá khứ tới hiện tại.

D. Theo thứ tự từ tương lai trở về quá khứ

Câu 8. Vì sao văn bản *Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa”* là văn bản nghị luận văn học?

A. Vì văn bản tập trung miêu tả hình ảnh ông đồ.

B. Vì tác giả đã phân tích những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ Ông đồ.

C. Vì tác giả đã kể lại câu chuyện về ông đồ viết chữ Nho.

D. Vì văn bản đã giúp người đọc hiểu ông đồ là ai.

Câu 9. Vì sao khổ thơ cuối cùng được tác giả Đinh Trọng Lạc coi là hay nhất, cảm động nhất.

Câu 10. Em học tập được điều gì về cách viết bài văn nghị luận văn học từ văn bản trên.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1.A	2.D	3.D	4.C	5.A	6.B	7.C	8.B
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

Câu 9.

Tác giả coi khổ thơ cuối cùng trong bài Tiếng gà trưa được tác giả Đinh Trọng Lạc coi là hay nhất, cảm động nhất vì nó chứa đựng tình cảm thiêng liêng, cao quý, sâu sắc và chân thành của tác giả và cũng là của anh chiến sĩ trên con đường hành quân.

Câu 10. Một số lưu ý khi viết bài văn nghị luận văn học

- Phân tích những nét đặc sắc, độc đáo về nghệ thuật của bài thơ qua các biện pháp tu từ, từ ngữ, hình ảnh, nhịp điệu...
- Phân tích những nét đặc sắc, độc đáo về nội dung của bài thơ.
- Đưa ra những ý kiến, cảm nhận của bản thân về bài thơ đó

Đề số 2**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:****VỀ BÀI THƠ ÔNG ĐỒ CỦA VŨ ĐÌNH LIÊN**

Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ bóng dáng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt của ông đồ. Tác giả đã có những chi tiết thật đắt: nơi ông độ là bút mực, nơi trời đất là gió mưa, nơi xã hội là sự thờ ơ không ai hay. Thể thơ năm chữ vốn có sức biểu hiện những chuyện dẫu bề", hoài niệm, đã tỏ ra rất đặc địa, nhịp điệu khơi gợi một nỗi buồn nhẹ mà thấm. Màn mưa bụi khép lại đoạn thơ thật âm đạm, lạnh, buồn, vắng. Như vậy, cũng chỉ tám dòng, bốn mươi chữ đủ nói hết những bước chót của một thời tàn. Sự đối chiếu chi tiết ở đoạn này với đoạn trên; mực với mực, giấy với giấy, người với người càng cho ta thấy cái thăng thót, xót xa của sự biến thiên.

Có một khoảng thời gian trôi qua, khoảng trắng của đoạn thơ, trước khi vào bốn dòng kết:

*Năm nay đào lại nở,
Không thấy ông đồ xưa.*

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?

Hãy trở lại với dòng thơ đầu bài “Mỗi năm hoa đào nở” để thấy quy luật cũ không còn đúng nữa. Ông đồ đã kiên nhẫn “vẫn ngồi đấy”, nhưng năm nay không còn kiên nhẫn được nữa: “Không thấy ông đồ xưa.”. Ông đã cố bám lấy xã hội hiện đại, những người hiện đại chúng ta đã thấy sự cố sức của ông, đã thấy ông chơi với, nhưng chúng ta đã không làm gì, để đến bây giờ quay nhìn lại, mới biết ông bị buông rơi tự bao giờ. Bóng dáng ông đâu phải bóng dáng của một người mà là bóng dáng của cả một thời đại, bóng dáng kí ức của chính tâm hồn chúng ta. Đến bây giờ, chúng ta mới thấy luyến tiếc, nhưng quá muộn rồi. Chúng ta hỏi nhau hay tự hỏi mình? Hỏi hay khấn khứa tưởng niệm, hay ân hận sám hối? Hai dòng thơ hàm súc nhất của bài, chúng ta đọc được ở đây số phận của ông đồ và nhất là đọc được thái độ, tình cảm của cả một lớp người đối với những gì thuộc về dân tộc. Về ngữ pháp, dòng thơ này rất lạ, nhưng không thấy cộm: “Những người muôn năm cũ”. “Muôn năm” thật ra chỉ vài ba năm, nhưng nói “muôn năm” mới đúng, thời ông đồ đã xa lác rồi, đã lẫn vào những bút, những nghiên rất xa trong lịch sử, Chữ “muôn năm cũ” của dòng trên dội xuống chữ “bây giờ” của dòng dưới càng băng khuâng, luyến nhớ. Dòng thơ không phải là nỗi đau nức nở, nó chỉ như một tiếng thở dài cảm thương, nuôi tiếc khôn nguôi.

(Theo VŨ QUÂN PHƯƠNG, Tác phẩm văn học 1930 – 1975, tập 1, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990)

Câu 1. Đoạn trích trên viết về vấn đề gì?

- A. Kể chuyện của ông đồ .
- B. Miêu tả hình ảnh ông đồ .
- C. Phân tích bài thơ Ông đồ và đưa ra ý kiến của tác giả về bài thơ.
- D. Giới thiệu nhà thơ Vũ Đình Liên.

Câu 2. Vì sao văn bản *Về bài thơ “Ông đồ”* của Vũ Đình Liên là văn bản nghị luận văn học?

A. Vì văn bản tập trung miêu tả hình ảnh ông đồ.

B. Vì tác giả đã phân tích những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ Ông đồ.

C. Vì tác giả đã kể lại câu chuyện về ông đồ viết chữ Nho.

D. Vì văn bản đã giúp người đọc hiểu ông đồ là ai.

Câu 3. Theo em, mục đích chính của người viết văn bản trên là gì?

A. Chỉ ra cái hay của bài thơ Ông đồ

B. Ca ngợi những người viết chữ Nho

C. Ca ngợi hình ảnh ông đồ viết chữ Nho

D. Nêu lên tình cảnh buồn thảm của ông đồ

Câu 4. Câu nào có bằng chứng được người viết dẫn ra từ bài thơ?

A. Dòng thơ không phải là nỗi đau nhức nhối, nó chỉ như một tiếng thở dài cảm thương, nuối tiếc khôn nguôi.

B. Về ngữ pháp, dòng thơ này rất lạ, nhưng không thấy cộm: "Những người muôn năm cũ".

C. Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ bóng dáng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt của ông đồ.

D. Như vậy, cũng chỉ tám dòng, bốn mươi chữ đủ nói hết những bước chót của một thời tàn.

Câu 5. Tác giả phân tích nghệ thuật dùng từ của nhà thơ ở câu nào?

A. Chữ "muôn năm cũ" của dòng trên đối xuống chữ "bây giờ" của dòng dưới càng băng khuâng, luyến nhớ.

B. Như vậy, cũng chỉ tám dòng, bốn mươi chữ đủ nói hết những bước chót của một thời tàn.

C. Về ngữ pháp, dòng thơ này rất lạ, nhưng không thấy cộm: "Những người muôn năm cũ".

D. Dòng thơ không phải là nỗi đau nhức nhối, nó chỉ như một tiếng thở dài cảm thương, nuối tiếc khôn nguôi.

Câu 6. Câu nào nêu nhận xét về tài năng nghệ thuật của nhà thơ Vũ Đình Liên?

- A. Bóng dáng ông đâu phải bóng dáng của một người mà là bóng dáng của cả một thời đại.
- B. Ông đồ đã kiên nhẫn “văn ngồi đấy”, nhưng năm nay không còn kiên nhẫn được nữa .
- C. Tác giả đã có những chi tiết thật đắt: nơi ông đồ là bút mực, nơi trời đất là gió mưa, nơi xã hội là sự thờ ơ không ai hay.
- D. Đến bây giờ, chúng ta mới thấy luyện tiếc, nhưng quá muộn rồi.

Câu 7. Ý kiến khái quát của người viết về nội dung và nghệ thuật bài thơ “Ông đồ” được nêu ở câu nào?

- A. Như vậy, cũng chỉ tám dòng, bốn mươi chữ đủ nói hết những bước chót của một thời tàn.
- B. Bóng dáng ông đâu phải bóng dáng của một người mà là bóng dáng của cả một thời đại, bóng dáng kí ức của chính tâm hồn chúng ta.
- C. Ông đồ đã kiên nhẫn “văn ngồi đấy”, nhưng năm nay không còn kiên nhẫn được nữa ...
- D. Về ngữ pháp, dòng thơ này rất lạ, nhưng không thấy cộm: “Những người muôn năm cũ”.

Câu 8. Câu nào sau đây có vị ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị?

- A. Đến bây giờ, chúng ta mới thấy luyện tiếc, nhưng quá muộn rồi,
- B. Bóng dáng ông đâu phải bóng dáng của một người mà là bóng dáng của cả một thời đại, bóng dáng kí ức của chính tâm hồn chúng ta.
- C. Ông đã cố bám lấy xã hội hiện đại, những người hiện đại chúng ta đã thấy sự cố sức của ông, đã thấy ông chơi với ...
- D. Chữ “muôn năm cũ” của dòng trên đối xuống chữ “bây giờ” của dòng dưới càng bằng khuâng, luyện nhớ.

Câu 9. Người viết thể hiện rõ cảm xúc của mình về hình ảnh ông đồ như thế nào?

Câu 10. Em thích nhất đoạn nào trong văn bản trên? Vì sao?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1.C	2.B	3.A	4.B	5.A	6.C	7.A	8.D
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

Câu 9.

Người viết thể hiện rõ cảm xúc của mình về hình ảnh ông đồ qua câu: *Đến bây giờ, chúng ta mới thấy luyến tiếc, nhưng quá muộn rồi*. Điều đó cho thấy, tác giả nuối tiếc nét đẹp văn hóa đã bị lãng quên và cảm thương cho số phận của ông đồ.

Câu 10. Học sinh chia sẻ theo cảm nhận của cá nhân. Phải đảm bảo thực hiện được 2 yêu cầu: chỉ ra đoạn văn yêu thích và lí do yêu thích đoạn văn đó.

Đề số 3

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

CHỢ TẾT CỦA ĐOÀN VĂN CỪ

Vũ Quần Phương

Năm tháng càng lùi xa bài *Chợ Tết* này càng được yêu mến, nó như tấm ảnh quý ghi lại chân thật những nét tiêu biểu trong sinh hoạt của quê ta. Mỗi lần đọc, lại như được sống cùng dĩ vãng. Ít có bài thơ nào mà cách miêu tả lại sinh động như bài thơ này. Sinh động, vì chộp được những chi tiết điển hình, vì cái nhìn hóm hỉnh và thấp thoáng cũng có những câu thơ có sức khái quát, có kí thác tâm trạng.

[...] Kết cấu bài thơ rất giản dị, diễn biến theo từng thời gian. Mở đầu là sáng sớm, người ta đi chợ.

Dải mây trắng đỏ dân trên đỉnh núi

Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh

Trên con đường viên trắng mép đồi xanh

Người các ấp tung bùng ra chợ Tết.

Mấy câu thơ bình thường giới thiệu thời gian, địa điểm. Chúng ta biết thêm đây là phiên chợ Tết vùng đồi, tụ họp dân các ấp. Cảnh những con đường tấp nập người tới chợ có cái nao nức thanh bình. Thơ Đoàn Văn Cừ nhiều màu sắc lắm, chỉ với ba câu thơ đầu đã thấy lần lượt trắng, đỏ, hồng, lam, xanh. Cả bài đếm được hai mươi ba màu.

[...] Trong đoạn đi chợ này có câu thơ tả nắng rất tài, tả được cái động của nắng, trong nắng lại có gió, màu vàng nắng trộn vào màu xanh lúa thành ra màu nắng tía:

Tia nắng tía nhảy hoai trong ruộng lúa.

Nắng không nhảy, nhưng gió thổi, đồng lúa xao động làm cho nắng đang rải trên đó thành nhấp nháy. Cách quan sát tinh vi này gợi nhớ câu thơ Nguyễn Du: “Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông”. Gió thổi đu đưa cành xanh làm màu hoa đỏ khi ẩn khi hiện như đốm lửa khi tắt khi bùng.

[...] Thú vị nhất và cũng tài hoa nhất là bức ảnh:

Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ

Nước thời gian gọi tóc trắng phau phau.

Bạn đọc sẽ dễ dàng nhận thấy cái nhìn kì ảo ở câu thơ thứ hai. Vì tóc cho nên có động từ *gọi*, và do đó thời gian được ví như nước. Hình ảnh sáng tạo, bất ngờ, nhưng rất hợp lí nên chấp thuận. Lí thú trong cách thể hiện và thâm thúy trong sự khái quát đời người. Đây là câu thơ hay nhất trong bài này. Tuy nhiên cũng nên lưu ý: hình ảnh cái miếu cổ làm nền cho mái tóc bạc, bà cụ đã góp phần không nhỏ vào tính chất kì ảo như cổ tích của ý thơ.

[...] Cảnh mua bán được đặc tả, quen thuộc mà cũng lạ lùng:

Con gà trống mào thâm như cục tiết

Một người mua cầm cẳng dóc lên xem.

Quen thuộc vì ai chẳng từng trông thấy cảnh ấy, nhưng lạ lùng do cách tả: *cầm cẳng dóc lên xem*.

Chợ vẫn khi trời đã nhá nhem, người toả về các làng xa hẻo lánh. Những quán chợ vắng vẻ dần và trở nên hiu quạnh. Một nỗi buồn lan toả trên cảnh vật. Bài thơ kết thúc trong sự băng khuâng đó: *Lá đa rụng rơi quanh quán chợ*.

Bài thơ này có thể làm mẫu mực cho văn miêu tả, cho cách quan sát, chọn lựa chi tiết, cách tìm ra nét đặc sắc ở những cảnh thông thường. Đoàn Văn Cừ đã làm mới lạ, làm lạ hoá một khung cảnh quen thuộc từ bao đời, giữ lại mãi mãi cho mai sau cái phong vị dân dã xóm làng cùng những nét sinh hoạt đặc sắc của một thời.

(In trong *Thơ quê hương và những lời bình*, Phương Ngân (Tuyển chọn) Trang 47 – 51, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007)

Câu 1. Văn bản trên thuộc loại văn bản nào?

- A. Nghị luận xã hội
- B. **Nghị luận văn học**
- C. Văn bản thông tin
- D. Văn bản văn học

Câu 2. Theo em, mục đích chính của người viết đoạn trích trên là gì?

- A. **Khẳng định bài thơ *Chợ Tết* đã miêu tả một cách sinh động những nét tiêu biểu trong sinh hoạt của một phiên chợ quê.**
- B. Miêu tả cảnh người dân đi chợ Tết ở miền quê.
- C. Ca ngợi vẻ đẹp của chợ Tết.
- D. Nói về tình yêu quê hương của người viết.

Câu 3. Tác giả đã đưa ra lí lẽ, bằng chứng thể hiện sự miêu tả chân thực, tiêu biểu về ánh nắng của phiên chợ quê qua câu văn nào?

- A. Chúng ta biết thêm đây là phiên chợ Tết vùng đồi, tụ họp dân các ấp.
- B. Cảnh những con đường đời tấp nập người tới chợ có cái nao nức thanh bình.
- C. **Trong đoạn đi chợ này có câu thơ tả nắng rất tài, tả được cái động của nắng, trong nắng lại có gió, màu vàng nắng trộn vào màu xanh lúa thành ra màu nắng tía.**

D. Chợ vẫn khi trời đã nhá nhem, người toả về các làng xa hẻo lánh.

Câu 4. Tác giả đã nhận xét về bài *Chợ Tết* của Đoàn Văn Cừ như thế nào?

- A. Năm tháng càng lùi xa bài *Chợ Tết* này càng được yêu mến, nó như tấm ảnh quý ghi lại chân thật những nét tiêu biểu trong sinh hoạt của quê ta.
- B. Thơ Đoàn Văn Cừ nhiều màu sắc lắm, chỉ với ba câu thơ đầu đã thấy lần lượt trắng, đỏ, hồng, lam, xanh.
- C. Bài thơ này có thể làm mẫu mực cho văn miêu tả, cho cách quan sát, chọn - chi tiết, cách tìm ra nét đặc sắc ở những cảnh thông thường.

D. Cả ba đáp án trên.

Câu 5. Từ Hán Việt trong câu “Đoàn Văn Cừ đã làm mới lạ, làm lạ hoá một khung cảnh quen thuộc từ bao đời, giữ lại mãi mãi cho mai sau cái phong vị dân dã xóm làng cùng những nét sinh hoạt đặc sắc của một thời.” là:

- A. Khung cảnh
- B. Mai sau
- C. Phong vị**
- D. Xóm làng

Câu 6. Tác giả phân tích nghệ thuật dùng từ, cách miêu tả của nhà thơ ở câu nào?

- A. Quen thuộc vì ai chẳng từng trông thấy cảnh ấy, nhưng lạ lùng do cách tả: *cầm cẳng dốc lên xem*.**
- B. Chợ vẫn khi trời đã nhá nhem, người toả về các làng xa hẻo lánh.
- C. Một nỗi buồn lan toả trên cảnh vật.
- D. Chúng ta biết thêm đây là phiên chợ Tết vùng đồi, tụ họp dân các ấp.

Câu 7. Ý kiến khái quát của người viết về giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ “Chợ Tết” được nêu ở câu nào?

- A. Chợ vẫn khi trời đã nhá nhem, người toả về các làng xa hẻo lánh. Những quán chợ vắng vẻ dần và trở nên hiu quạnh.

B. Bài thơ này có thể làm mẫu mực cho văn miêu tả, cho cách quan sát, chọn lựa chi tiết, cách tìm ra nét đặc sắc ở những cảnh thông thường.

C. Hình ảnh sáng tạo, bất ngờ, nhưng rất hợp lí nên chấp thuận.

D. Mấy câu thơ bình thường giới thiệu thời gian, địa điểm.

Câu 8. Phó từ trong câu “Chợ vẫn khi trời đã nhá nhem, người toả về các làng xa hẻo lánh.” là:

A. Chợ

B. Trời

C. Đã

D. Làng

Câu 9. Người viết thích câu thơ nào nhất trong bài “Chợ Tết” . Tác giả đã đưa ra lí lẽ và bằng chứng nào để khẳng định điều đó.

Câu 10. Chia sẻ với bạn bè về nét độc đáo của phiên chợ Tết ở quê hương em.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. B	2.A	3.C	4.D	5.C	6.A	7.B	8.C
------	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

Câu 9.

Câu thơ tác giả thích nhất là:

Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ

Nước thời gian gội tóc trắng phau phau

Những lí lẽ, bằng chứng tác giả đưa ra để khẳng định là:

Bạn đọc sẽ dễ dàng nhận thấy cái nhìn kì ảo ở câu thơ thứ hai. Vì tóc cho nên có động từ *gội*, và do đó thời gian được ví như nước. Hình ảnh sáng tạo, bất ngờ, nhưng rất hợp lí nên chấp thuận. Lí thú trong cách thể hiện và thâm thúy trong sự khái quát đời người. Đây là câu thơ hay nhất trong bài này. Tuy nhiên cũng nên lưu ý: hình ảnh cái miếu cổ làm nền cho mái tóc bạc, bà cụ đã góp phần không nhỏ vào tính chất kì ảo như cổ tích của ý thơ.

Câu 10. HS chia sẻ từ thực tế và cảm nhận của cá nhân. Gợi ý: Nêu tên chợ, đặc điểm của phiên chợ trong những ngày giáp tết (thời gian, địa điểm, khung cảnh đặc sắc...)

Đề số 4:

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

BÀN VỀ NHÂN VẬT THÁNH GIÓNG

Hoàng Tiễn Tựu

Truyện Thánh Gióng là tác phẩm lớn đầu tiên về đề tài giữ nước chống xâm lược. Nhân vật Thánh Gióng được xây dựng rất đặc sắc, vừa là một anh hùng phi thường với vẻ đẹp lí tưởng, vừa là một con người trần thế với những vẻ đẹp giản dị, gần gũi.

Trước hết, Thánh Gióng hội tụ những đặc điểm phi thường, thể hiện lí tưởng của nhân dân về người anh hùng đánh giặc cứu nước. Sự phi thường của nhân vật Gióng thể hiện qua những chi tiết về sự thụ thai thần kì của bà mẹ Gióng (như bà bắt đầu mang thai Gióng sau khi bà ướm thử bàn chân mình vào vết chân khổng lồ, bà mang thai Gióng mười hai tháng mới sinh,...). Ở Gióng có cả sức mạnh của thể lực và sức mạnh của tinh thần, ý chí. Không có thể lực và ý chí chiến đấu phi thường, làm sao Thánh Gióng có thể nhổ từng bụi tre đằng ngà để tiếp tục truy kích và đánh tan giặc Ân xâm lược? Tất cả những chi tiết ấy đều nhằm mục đích đề cao người anh hùng, làm cho người anh hùng có nguồn gốc siêu nhiên, thần thánh khác thường.

Nhìn chung, những yếu tố kì diệu khác thường trong nhân vật Gióng tuy khá nổi bật nhưng cũng không thể lẫn át và thay thế được cái bình thường của con người trần thế. Nguồn gốc, lai lịch của Gióng thật rõ ràng, cụ thể và xác định. Căn bản và trước hết, Gióng là một Con Người, một người con của làng Phù Đổng, nước Văn Lang, đời Hùng Vương thứ sáu. Quá trình ra đời, trưởng thành và chiến thắng giặc ngoại xâm của Gióng đều gắn với những người dân bình dị. Dù có siêu nhiên kì ảo đến đâu, Gióng vẫn phải “nằm trong bụng mẹ” (dù là mấy tháng), vẫn

phải “uống nước, ăn cơm với cà” (dù là mấy nóng), vẫn phải mặc quần áo bằng vải của dân làng Phù Đổng (dù là cỡ rộng đến đâu). Và ngay cả ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt của Gióng cũng là do vua Hùng tập hợp những người thợ rèn tài giỏi ở trong nước đúc nên.

Nhân vật Thánh Gióng thể hiện sức mạnh của nhân dân trong công cuộc giữ nước. Lực lượng chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc của dân tộc bình thường tiềm ẩn trong nhân dân, tương tự như chú bé làng Gióng nằm im không nói, không cười. Nhưng khi có giặc thì tiếng gọi ấy đã tập hợp, thức tỉnh tất cả các lực lượng tiềm ẩn ấy của dân tộc và làm nên Thánh Gióng.

Khi chưa có giặc, Gióng là đứa trẻ nằm im không biết nói. Khi nghe tiếng gọi của non sông, Gióng vụt lớn lên và cất lời nhận nhiệm vụ đánh tan giặc, Thánh Gióng bay về trời. Quá trình phát triển của nhân vật Thánh Gióng dồi dào ý nghĩa nhân sinh và nên thơ, nên họa biết bao!

(Theo Hoàng Tiên Tự, *Bình giảng truyện dân gian*, NXB Giáo dục, 2003)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản là:

A. Nghị luận

B. Biểu cảm

C. Tự sự

D. Miêu tả

Câu 2. Văn bản trên làm em nhớ đến truyền thuyết nào?

A. Truyền thuyết *Con rồng cháu tiên*

B. Truyền thuyết *Bánh chưng, bánh giầy*

C. Truyền thuyết *Thánh Gióng*

D. Truyền thuyết *Sự tích Hồ Gươm*

Câu 3. Nhận xét của người viết về nhân vật Thánh Gióng là:

A. Thánh Gióng có sức mạnh.

B. Nhân vật Thánh Gióng được xây dựng rất đặc sắc, vừa là một anh hùng phi thường với vẻ đẹp lí tưởng, vừa là một con người trần thế với những vẻ đẹp giản dị, gần gũi.

C. Tất cả những chi tiết ấy đều nhằm mục đích đề cao người anh hùng, làm cho người anh hùng có nguồn gốc siêu nhiên, thần thánh khác thường.

D. Cả ba đáp án đều sai.

Câu 4. Phó từ trong câu “Và ngay cả ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt của Gióng cũng là do vua Hùng tập hợp những người thợ rèn tài giỏi ở trong nước đúc nên.” là:

A. Và

B. Là

C. Những

D. Của

Câu 5. Tác giả đã đưa ra bằng chứng thể hiện đặc điểm phi thường của Thánh Gióng qua câu văn nào?

A. *Trước hết, Thánh Gióng hội tụ những đặc điểm phi thường, thể hiện lí tưởng của nhân dân về người anh hùng đánh giặc cứu nước.*

B. *Ở Gióng có cả sức mạnh của thể lực và sức mạnh của tinh thần, ý chí.*

C. *Sự phi thường của nhân vật Gióng thể hiện qua những chi tiết về sự thụ thai thần kì của bà mẹ Gióng (như bà bắt đầu mang thai Gióng sau khi bà vớ mả thỉ bàn chân mình vào vết chân khổng lồ, bà mang thai Gióng mười hai tháng mới sinh,...).*

D. *Tất cả những chi tiết ấy đều nhằm mục đích đề cao người anh hùng, làm cho người anh hùng có nguồn gốc siêu nhiên, thần thánh khác thường.*

Câu 6. Từ Hán Việt trong câu “Trước hết, Thánh Gióng hội tụ những đặc điểm phi thường, thể hiện lí tưởng của nhân dân về người anh hùng đánh giặc cứu nước.” là:

A. Trước hết

B. Đặc điểm

C. Nhân dân

D. Phi thường

Câu 7. Tác giả đã đưa ra bằng chứng thể hiện đặc điểm “là một con người trần thế” của Thánh Gióng qua câu văn nào?

A. Nguồn gốc, lai lịch của Gióng thật rõ ràng, cụ thể và xác định.

B. Khi chưa có giặc, Gióng là đứa trẻ nằm im không biết nói.

C. Khi nghe tiếng gọi của non sông, Gióng vụt lớn lên và cất lời nhận nhiệm vụ đánh tan giặc, Thánh Gióng bay về trời.

D. Quá trình phát triển của nhân vật Thánh Gióng dồi dào ý nghĩa nhân sinh và nên thơ, nên hoa biết bao!

Câu 8. Phó từ “những” trong cụm danh từ “Tất cả những chi tiết ấy” bổ sung ý nghĩa gì?

A. Bổ sung ý nghĩa về thời gian

B. Bổ sung ý nghĩa về mức độ

C. Bổ sung ý nghĩa về số lượng

D. Bổ sung ý nghĩa phủ định

Câu 9. Khi nói về sự phi thường của nhân vật Gióng, người viết đã đưa ra những bằng chứng nào?

Câu 10. Để viết bài nghị luận này, người viết cần trang bị những kiến thức và kĩ năng gì?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1.A	2.C	3.B	4.C	5.C	6.D	7.A	8.C
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

Câu 9. Khi nói về sự phi thường của nhân vật Gióng, người viết đã đưa ra những bằng chứng:

Chi tiết về sự thụ thai thần kì của bà mẹ Gióng (như bà bắt đầu mang thai Gióng sau khi bà ướm thử bàn chân mình vào vết chân khổng lồ, bà mang thai Gióng mười hai tháng mới sinh,...). Ở Gióng có cả sức mạnh của thể lực và sức mạnh của tinh thần, ý chí. Không có thể lực và ý chí chiến đấu phi thường, làm sao Thánh Gióng có thể nhổ từng bụi tre đằng ngà để tiếp tục truy kích và đánh tan giặc Ân xâm lược.

Câu 10. Để viết bài nghị luận này, người viết cần trang bị những kiến thức và kĩ năng:

+ Kiến thức về văn bản Thánh Gióng, hiểu nội dung, nghệ thuật của truyện *Thánh Gióng*

+ Kĩ năng làm bài văn nghị luận văn học. Biết đưa ra ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng để làm rõ ý kiến của mình.

Đề số 5:

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

THẠCH SANH - TRUYỆN CỔ TÍCH THẦN KỲ TIÊU BIỂU TRONG KHO TÀNG TRUYỆN CỔ DÂN GIAN VIỆT NAM

Thạch Sanh là một truyện cổ tích hội tụ đầy đủ các yếu tố đặc trưng tiêu biểu của thể loại cổ tích thần kỳ trong truyện cổ dân gian của nước ta. Điều dễ nhận thấy nhất ở truyện Thạch Sanh là công thức cố định của kể chuyện cổ tích, đó là: Công thức mở đầu: *Ngày xưa ... ở... có một...* Công thức kể phần diễn biến là toàn bộ câu chuyện Thạch Sanh lần lượt vượt qua nhiều hơn ba lần thử thách, các thử thách sau bao giờ cũng cam go, khó khăn hơn thử thách trước. Công thức kể phần kết thúc: *Về sau, vua không có con trai, để nhường ngôi cho Thạch Sanh.*

Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật mồ côi và nhân vật dũng sĩ, đó là hai kiểu nhân vật quen thuộc xuất hiện trong truyện cổ tích thần kỳ. Thạch sanh là nhân vật chính diện đẹp nhất, tiêu biểu và hoàn hảo nhất với nhiều mặt hoạt động

rộng lớn, nhiều chiến công nhiều loại kẻ thù và nhiều tài năng nhóm chất cao đẹp. Sự ra đời bình thường và khác thường của Thạch sanh là yếu tố kỳ lạ khởi đầu cho mô típ nhân vật chàng dũng sĩ Thạch Sanh vẫn là Thái tử con Ngọc Hoàng được đầu thai vào nhà họ Thạch (ở Cao Bằng) để đến ơn đáp nghĩa cho ông bà Thạch Nghĩa ăn ở có đức, có nhân. Như vậy là chàng có nguồn gốc thần tiên, là "người Trời". Nhưng sau khi đầu thai vào nhà họ Thạch, Thạch Sanh đã sinh ra và lớn lên thành một con người ở cõi trần, trong xã hội phong kiến Việt Nam, có cha mẹ, họ tên, quê hương, nghề nghiệp và vị trí trong gia đình, xã hội rất rõ ràng, cụ thể. Điều này không phải nhân vật có tích nào cũng có, nó làm cho hình tượng nhân vật Thạch Sanh vừa có tính khái quát hóa, vừa giàu tính cụ thể, sống động. Chi tiết đó mở đầu, báo hiệu cho cuộc đời tràn đầy những yếu tố kì lạ, hoang đường của Thạch Sanh. Nguồn gốc thần linh đã tô điểm cho xuất thân cao quý, vẻ đẹp lí tưởng của nhân vật. Việc thiên thần xuống dạy phép thuật và các môn võ nghệ cho Thạch Sanh là sự chuẩn bị cho chàng đối diện với những thử thách và đã lí giải cho chiến thắng của chàng ở những chặng tiếp theo của câu chuyện.

Kết cấu của truyện "Thạch Sanh" là một kết cấu tiêu biểu cho truyện cổ tích thần kỳ. Kết cấu gồm ba phần. Phần đầu nhân vật chính xuất hiện với sự ra đời có yếu tố thần kỳ. Chàng là con Thái tử, được truyền dạy võ nghệ. Phần giữa là cuộc phiêu lưu của nhân vật chính trong thế giới cổ tích. Nhân vật ra đi, gặp thử thách và vượt qua các thử thách, nhận phần thưởng sau mỗi thử thách. Phần thưởng là các phương tiện thần kỳ là trợ thủ đắc lực cho nhân vật vượt qua các thử thách nối tiếp sau đó. Phần kết thúc: Đối đời hay là sự thay đổi số phận trong "thế giới cổ tích". Cả hai mô típ thưởng (cho nhân vật chính) và phạt (đối với kẻ ác, lực lượng thù địch) đều xuất hiện hợp lý trong truyện. Kết thúc truyện, Thạch Sanh được lấy công chúa và lên ngôi vua. Mẹ con Lí Thông tuy được Thạch Sanh tha cho về nhưng đi đến giữa đường bị Thiên Lôi đánh chết. Đây là dạng kết thúc quen thuộc của truyện cổ tích, theo dạng "kết thúc có hậu"; nghĩa là người nghèo, người bị áp bức, người tốt được bênh vực và hạnh phúc kẻ gian ác thì bị trừng phạt. Đó là quan

niệm, cũng là triết là của nhân dân về việc ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác; có công được thưởng, có tội trừng phạt.

(Trích *Thạch Sanh và kiêu truyện dũng sĩ trong truyện cổ Việt Nam và Đông Nam Á*, Nguyễn Thị Bích Hà)

Câu 1. Văn bản trên thuộc loại văn bản nào?

- A. Nghị luận xã hội
- B. Văn bản thông tin
- C. **Nghị luận văn học**
- D. Văn bản văn học

Câu 2. Theo em, mục đích chính của người viết đoạn trích trên là gì?

- A. **Khẳng định Thạch Sanh là truyện cổ tích thần kì tiêu biểu trong kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam.**
- B. Kể lại truyện cổ tích Thạch Sanh.
- C. Miêu tả nhân vật Thạch Sanh.
- D. Giới thiệu về truyện cổ tích Thạch Sanh.

Câu 3. Câu văn nào sau đây đưa ra ý kiến của người viết về kết cấu của truyện “Thạch Sanh”.

- A. Nguồn gốc thần linh đã tô điểm cho xuất thân cao quý, vẻ đẹp lí tưởng của nhân vật.
- B. **Kết cấu của truyện "Thạch Sanh" là một kết cấu tiêu biểu cho truyện cổ tích thần kỳ.**
- C. Kết thúc truyện, Thạch Sanh được lấy công chúa và lên ngôi vua.
- D. Đó là quan niệm, cũng là triết là của nhân dân về việc ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác; có công được thưởng, có tội trừng phạt.

Câu 4. Bằng chứng được đưa ra để làm rõ ý kiến “truyện Thạch Sanh là công thức cổ định của kể chuyện cổ tích” là:

- A. Công thức mở đầu: *Ngày xưa ... ở... có một...*

- B. Công thức kể phần diễn biến là toàn bộ câu chuyện Thạch Sanh lần lượt vượt qua nhiều hơn ba lần thử thách, các thử thách sau bao giờ cũng cam go, khó khăn hơn thử thách trước.
- C. Công thức kể phần kết thúc: *Về sau, vua không có con trai, để nhường ngôi cho Thạch Sanh.*

D. Cả ba đáp án trên.

Câu 5. Từ Hán Việt trong câu “Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật mồ côi và nhân vật dũng sĩ, đó là hai kiểu nhân vật quen thuộc xuất hiện trong truyền cổ tích thần kỳ.” là:

- A. Nhân vật
- B. Dũng sĩ**
- C. Quen thuộc
- D. Truyện

Câu 6. Truyện cổ tích *Thạch Sanh* được tác giả nhận xét ở những khía cạnh nào:

- A. Kết cấu, nhân vật**
- B. Cách mở đầu, cách kết thúc truyện.
- C. Hoàn cảnh sống của nhân vật.
- D. Các chiến công của nhân vật.

Câu 7. Phó từ trong câu “Nhân vật ra đi, gặp thử thách và vượt qua các thử thách, nhận phần thưởng sau mỗi thử thách.” là:

- A. Nhân vật
- B. Gặp
- C. Thử thách
- D. Mỗi**

Câu 8. Câu văn thể hiện ý kiến của người viết về nhân vật Thạch Sanh là:

- A. Kết cấu của truyện "Thạch Sanh" là một kết cấu tiêu biểu cho truyện cổ tích thần kỳ.**

B. Thạch Sanh là một truyện cổ tích hội tụ đầy đủ các yếu tố đặc trưng tiêu biểu của thể loại cổ tích thần kỳ trong truyện cổ dân gian của nước ta.

C. Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật mồ côi và nhân vật dũng sĩ, đó là hai kiểu nhân vật quen thuộc xuất hiện trong truyện cổ tích thần kỳ.

D. Đó là quan niệm, cũng là triết lý của nhân dân về việc ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác; có công được thưởng, có tội trừng phạt.

Câu 9. Tác giả đã nhận xét về kết thúc của truyện như thế nào. Em có đồng tình với nhận xét này không.

Câu 10. Theo em, làm thế nào để bài nghị luận không chỉ có lý lẽ khô khan mà thêm phần sinh động, có sức thuyết phục.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1.C	2.A	3.B	4.D	5.B	6.A	7.D	8.C
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

Câu 9. Tác giả nhận xét về kết thúc truyện:

Đây là dạng kết thúc quen thuộc của truyện cổ tích, theo dạng "kết thúc có hậu"; nghĩa là người nghèo, người bị áp bức, người tốt được bênh vực và hạnh phúc kẻ gian ác thì bị trừng phạt. Đó là quan niệm, cũng là triết lý của nhân dân về việc ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác; có công được thưởng, có tội trừng phạt.

Ý kiến của em: HS tự nêu ý kiến của mình.

Câu 10. Để bài nghị luận không chỉ có lý lẽ khô khan mà thêm phần sinh động, có sức thuyết phục, người viết cần sử dụng những bằng chứng xác thực, thuyết phục, tiêu biểu và phù hợp với lý lẽ.

IV. TRUYỆN KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG

1. Những lưu ý khi đọc hiểu truyện khoa học viễn tưởng

- + Xác định đề tài, thời gian và không gian đặc biệt của câu chuyện.
- + Tóm tắt được cốt truyện, qua đó thấy được sự li kì, cuốn hút của tác phẩm.
- + Phân tích được nhân vật và cách nhà văn miêu tả các nhân vật giả tưởng trong câu chuyện.
- + Xác định được yếu tố khoa học trong câu chuyện
- + Phân tích và đánh giá được vai trò của người kể chuyện trong tác phẩm.
- + Nhận xét, đánh giá được đặc điểm về ngôn ngữ kể chuyện được sử dụng trong tác phẩm.
- + Qua cốt truyện, nhận diện được sự vật, sự kiện mà người viết chú tâm mô tả. Sự vật hay sự kiện đó, tại thời điểm nhà văn viết tác phẩm đã có hay chưa? Sự tưởng tượng đó của nhà văn có đúng hay có khả năng đúng với hiện thực sau này hay không?
- + Phân tích được hành trình phiêu lưu của nhân vật vào thế giới viễn tưởng đó.
- + Đánh giá những giá trị mà truyện khoa học viễn tưởng mang lại cho người đọc.

2. Một số đề đọc hiểu

Đề số 1

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

ĐỊA ĐÀNG TRẦN GIAN

(Trích Utopia – Địa đàng trần gian – T.More)

Rồi cả Peter Gilles và tôi lên tiếng xin Raphael tiên sinh cho nghe chuyện. Thấy chúng tôi thực lòng, tiên sinh bèn để một lúc để sắp xếp câu chuyện trong đầu, rồi bắt đầu kể như sau:

RAPHAEL: Ta bắt đầu nhé. Hòn đảo ấy rộng nhất ở quãng giữa, chừng hai trăm dặm từ bờ này sang bờ kia. Những chỗ khác cũng chẳng hẹp hơn là bao, chỉ trừ hai đầu là thu hẹp dần và lượn vòng như thể vẽ bằng com-pa, nổi toàn bộ đảo

thành ra như một vòng tròn có đường kính khoảng năm trăm đến dặm vậy. Đúng hơn hãy tưởng tượng nó như một hình lưỡi liềm rất cong có hai mồm chóp chỉ cách nhau bởi một eo biển rộng xấp xỉ mười một dặm. Biển tràn vào trong lòng đảo qua eo này, làm thành một vùng hồ mênh mông giữa đảo. Được bao bọc khắp xung quanh, nước hồ lúc nào cũng êm ả. Vậy là cái vịnh yên tĩnh ngay giữa lòng đảo ấy trở thành một hải cảng lớn rất thuận tiện, thuyền bè có thể dong buồm ngang dọc trên đó theo đủ mọi hướng. Vùng eo biển hẹp thì lại rất hiểm trở với đầy những doi cát và đá ngầm. Một hòn núi đá nhô cao hẳn lên mặt nước ở ngay giữa eo, và người ta xây một pháo đài ở trên đó, lúc nào cũng có lính canh. Chỉ có những hoa tiêu địa phương mới biết rõ vùng đá ngầm nguy hiểm đó và có thể đưa tàu bè ra vào một cách an toàn. Không có hoa tiêu người Utopia thì tàu thuyền ngoại quốc không thể nào vào được trong đảo

Mỗi bệnh viện lớn bằng khoảng một thành phố nhỏ. Ý tưởng là vừa tránh cho bệnh viện bị quá tải, vừa tạo điều kiện tốt cho việc cách li những chứng bệnh lây lan truyền nhiễm. Những bệnh viện này được quản lý rất chu đáo, luôn đầy đủ thuốc men và thiết bị với những đội ngũ bác sĩ và hộ lý xứng đáng là "lương y kiêm từ mẫu" đến nỗi hễ ốm đau là ai cũng muốn vào bệnh viện chứ không muốn nằm nhà.

[...] Đất đai của họ không phải lúc nào cũng màu mỡ, và khí hậu không phải là hoàn toàn thuận lợi nhưng nhờ một chế độ dinh dưỡng cân bằng mà họ xây dựng được sức đề kháng của mình chống lại những điều kiện khắc nghiệt của thời tiết, và bằng công việc canh tác rất chu đáo, họ đã chinh đốn được những khiếm khuyết của đất đai. Kết quả là họ đã phá vỡ mọi kỉ lục về sản xuất, và chăn nuôi gia súc, tuổi thọ trung bình của họ là cao nhất thế giới, và tỉ lệ mắc bệnh là thấp nhất. Như vậy là với những phương pháp khoa học, họ đã làm nên những điều thần kì ở một vùng thiên nhiên vốn nghèo nàn cạn kiệt.

(T. More, *Utopia – Địa đàng trần gian*, NXB Hội Nhà văn và Nhã Nam, 2006, tr. 86, 87, 88, 108, 110, 152)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại gì?

- A. Truyền thuyết
- B. Truyện ngắn
- C. Truyện khoa học viễn tưởng
- D. Tùy bút

Câu 2. Đoạn trích nói về đề tài nào?

- A. Một xã hội lý tưởng
- B. Ngôi nhà trong mơ
- C. Chinh phục vũ trụ
- D. Du hành trong không gian

Câu 3. Câu chuyện về đất nước Utopia được kể lại bởi nhân vật nào?

- A. Peter Gilles
- B. Raphael
- C. Nhân vật “tôi”
- D. Nhân vật khác

Câu 4. Địa hình tự nhiên của đất nước Utopia có gì đặc biệt?

- A. Địa hình hiền hòa, yên ả, mọi người ra vào tấp nập
- B. Vùng eo biển hiểm trở, mọi người có thể thuận tiện đi lại
- C. Tàu bè có thể qua lại tự do ở vùng eo biển
- D. Chỉ có những hoa tiêu địa phương mới biết rõ vùng đá ngầm nguy hiểm đó và có thể đưa tàu bè ra vào một cách an toàn.

Câu 5. Ở Utopia, bệnh viện sẽ được xây dựng như thế nào?

- A. Bệnh viện lớn bằng một thành phố nhỏ.
- B. Bệnh viện được quản lý rất chu đáo, luôn đầy đủ thuốc men và thiết bị.
- C. Đội ngũ y, bác sĩ giỏi và yêu thương bệnh nhân
- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 6. Số từ trong câu “Mỗi bệnh viện lớn bằng khoảng một thành phố nhỏ.” là:

- A. Mỗi
- B. Bằng
- C. Một**
- D. Nhỏ

Câu 7. Vì sao đất nước Utopia lại được xem như một thiên đường cho con người?

- A. Y tế được đảm bảo, tuổi thọ trung bình của họ là cao nhất thế giới, và tỉ lệ mắc bệnh là thấp nhất
- B. Địa hình giúp con người tránh được sự xâm lược của kẻ thù từ bên ngoài.
- C. Đất đai được canh tác hợp lí nên không bị cạn cỗi
- D. Cả ba đáp án trên.**

Câu 8. Phó từ “những” trong câu “Như vậy là với những phương pháp khoa học, họ đã làm nên những điều thần kì ở một vùng thiên nhiên vốn nghèo nàn cạn kiệt.” bổ sung ý nghĩa gì?

- A. Ý nghĩa về số lượng ít hay nhiều**
- B. Ý nghĩa về thời gian
- C. Ý nghĩa về sự khẳng định/phủ định
- D. Ý nghĩa về sự tiếp diễn

Câu 9. Theo em, viết về một xã hội lí tưởng như Utopia, tác giả T.More muốn thể hiện điều gì?

Câu 10. Trình bày những điều em cho là đẹp nhất của xã hội Việt Nam hiện nay.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

5. C	6. A	3.B	4.D	5.D	6.C	7.D	8.A
------	------	-----	-----	-----	-----	-----	-----

Câu 9. Theo em, viết về một xã hội lí tưởng như Utopia, tác giả T.More muốn thể hiện thái độ phủ nhận của mình trước xã hội ông đang sống, đồng thời thể hiện ước mơ về một xã hội đẹp theo quan điểm của ông. Qua đó cũng nhắc nhở con người hành động để xã hội họ sống ngày một tốt đẹp hơn.

Câu 10. Học sinh chia sẻ theo cảm nhận của cá nhân, đảm bảo tính thực tế, phù hợp, không vi phạm quy định về đạo đức và pháp luật.

Đề số 2:

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

HOANG MẠC CHÂU PHI

(Trích Hoang mạc châu Phi – Ray Bradbury)

Đứng ở giữa phòng bếp, chị nhìn cái bếp tự động đang kêu ro ro chuẩn bị bữa ăn tối cho bốn người. - Anh hiểu không, cái phòng trẻ đã thay đổi, nó hoàn toàn không còn là cái phòng như trước nữa. – Thôi được, chúng ta cùng vào xem sao.

Họ cùng đi theo hành lang của ngôi nhà cách âm kiểu “Tất cả cho hạnh phúc” mà họ đã mua với giá ba mươi ngàn đô-la (với đầy đủ trang thiết bị), – ngôi nhà biết mặc quần áo cho họ, nấu nướng cho họ ăn, ru họ ngủ, hát cho họ nghe và chơi đùa với họ. Khi chỉ còn cách phòng trẻ năm bước chân, có một tiếng “tách” vang lên và đèn trong phòng bật sáng. Cả ở ngoài hành lang lúc họ đang đi cũng vậy, những bóng đèn cứ tự động lần lượt bật lên rồi tắt đi từng cái một.

[...] - Em cũng không biết nữa... - Chị lau nước mắt, ngồi vào chiếc ghế bành, chiếc ghế lập tức tự động lắc lư nhẹ. - Có thể, tại em có quá ít việc phải làm. Có thể, vì có quá nhiều thời gian để nghĩ ngợi. Tại sao chúng mình không khóa trái toàn bộ ngôi nhà trong vài ngày và đi đến một nơi nào đó nhỉ?

- Em muốn nói là em sẵn sàng rán trứng cho anh? – Vâng. - Chị gật đầu.

- Và mang tất cho anh? – Vâng. - Chị lại gật đầu lia lịa, mắt đầm đìa nước mắt.

- Rồi tự tay dọn dẹp nhà cửa? – Vâng, vâng... tất nhiên rồi.
- Còn anh thì cứ nghĩ rằng chúng ta mua ngôi nhà này chỉ cốt để không phải tự tay làm việc gì.
- Đúng thế. Nhưng trong ngôi nhà này em hầu như không còn ý nghĩa gì nữa. Vì ngôi nhà này vừa là người vợ, người mẹ, và người hầu. Lẽ nào em có thể đua tranh với cái hoang mạc Châu Phi. Lẽ nào em có thể tắm rửa cho các con nhanh và sạch bằng cái máy tắm tự động? Em không thể. Và vấn đề không phải chỉ ở mình em. Cả anh cũng thế. Thời gian gần đây em thấy anh căng thẳng một cách đáng sợ.
- Có lẽ vì anh hút thuốc quá nhiều.
- Anh có cái vẻ như người không biết chui trốn vào đâu trong ngôi nhà này. Từ sáng sớm anh đã hút thuốc nhiều hơn mọi khi một chút, buổi tối anh cũng uống rượu nhiều hơn trước một chút, còn ban đêm anh phải uống hai viên thuốc ngủ, thay vì một viên như trước đây. Anh cũng bắt đầu cảm thấy anh là người thừa trong ngôi nhà này.
- Anh ấy à.... - Anh im lặng để cô thử nhìn lại mình từ con mắt người khác.

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại gì?

- A. Truyện khoa học viễn tưởng
- B. Truyền thuyết
- C. Truyện cổ tích
- D. Tùy bút

Câu 2. Đoạn trích nói về đề tài nào?

- A. Một xã hội lí tưởng
- B. Ngôi nhà hiện đại kiểu “Tất cả cho hạnh phúc”
- C. Chinh phục vũ trụ
- D. Du hành trong không gian

Câu 3. Đoạn trích trên là cuộc đối thoại của những nhân vật nào?

- A. Người cha và con trai

B. Người mẹ và con trai

C. Người chồng và vợ của mình

D. Người chồng và hàng xóm

Câu 4. Những công dụng đặc biệt của ngôi nhà cách âm kiểu “Tất cả cho hạnh phúc” là gì?

A. Ngôi nhà có chế độ tự động bật, tắt đèn

B. Ngôi nhà có các vật dụng đặc biệt, có thể đưa họ đi khắp mọi nơi.

C. Ngôi nhà có thể di chuyển đến nơi nào tùy ý

D. Ngôi nhà biết mặc quần áo cho họ, nấu nướng cho họ ăn, ru họ ngủ, hát cho họ nghe và chơi đùa với họ.

Câu 5. Phó từ trong câu “Còn anh thì cứ nghĩ rằng chúng ta mua ngôi nhà này chỉ cốt để không phải tự tay làm việc gì.” là từ nào?

A. **Còn**

B. Anh

C. Thì

D. Nghĩ

Câu 6. Vì sao lúc đầu hai vợ chồng George hào hứng với căn nhà này?

A. Vì căn nhà được mua với số tiền lớn

B. Vì căn nhà có khu hồ bơi lớn và thoải mái

C. Vì họ nghĩ sống trong căn nhà đó họ sẽ chẳng phải làm gì

D. Vì họ mua được ngôi nhà với giá rẻ.

Câu 7. Công dụng của dấu chấm lửng trong câu “Em cũng không biết nữa...” là gì?

A. Tổ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết;

B. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng;

C. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.

D. Cả ba đáp án trên

Câu 8. Vì sao người vợ muốn đóng cửa ngôi nhà này để đi đến nơi khác?

A. Vì người vợ muốn đi khám phá thiên nhiên bên ngoài

B. Vì người vợ nhận ra mình thừa thãi và khoảng cách giữa những thành viên trong gia đình ngày càng xa dần.

C. Vì người vợ muốn mua một ngôi nhà tiện nghi khác.

D. Vì người vợ muốn cùng chồng đi du lịch.

Câu 9. Theo em, trong tương lai, khi cuộc sống con người đã đủ đầy và con người không phải làm bất cứ việc gì thì họ có thực sự hạnh phúc không? Những dự cảm của tác giả Bradbury về tương lai con người trong truyện là đúng hay sai?

Câu 10. Theo em, thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua đoạn trích là gì?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1.A	2.B	3.C	4.D	5.A	6.C	7.B	8.B
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

Câu 9. HS trả lời theo quan điểm cá nhân song phải đưa ra những lí lẽ hợp lí để bảo vệ quan điểm đó.

Câu 10. Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua đoạn trích:

Không phải cuộc sống đầy đủ tiện nghi hiện đại thì con người sẽ được hạnh phúc. Hạnh phúc đến từ lao động, sự yêu thương và sẻ chia từ các thành viên trong gia đình.

Đề số 3:

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Sáng 18 tháng 11, tôi thức dậy, người khoan khoái. Tôi lên boong tàu và lại thấy viên thuyền phó đang nói câu mà tôi đã nghe được nhiều lần. Tôi bỗng hiểu nghĩa câu nói đó. Đúng là ông ta nói rằng "biển bình yên vô sự". Biển bát ngát,

mênh mông, chẳng thấy một cánh buồm, cũng chẳng thấy những mỏm đá của đảo Crét-xpô! Biển đã nuốt tất cả màu sắc của quang phổ mặt trời, chỉ còn lại một màu xanh ngắt! Tôi đang mãi ngắm cảnh đẹp của đại dương thì thuyền trưởng Nê-mô lên boong và bắt đầu quan sát thiên văn. Hình như ông ta không để ý gì đến tôi. Sau đó, Nê-mô tì tay lên buồng lái và đắm đắm nhìn về phía xa khơi. Lúc này độ hai mươi thủy thủ bước lên boong. Họ kéo lưới mà họ đã quăng đêm trước.

[...]Tôi định ninh là tàu sắp lặn, nên muốn trở về phòng. Nhưng lúc đó thuyền trưởng Nê-mô quay về phía tôi và nói:

- Thưa ngài giáo sư, ngài hãy nhìn xem biển có phải là một sinh vật không? Biển lúc thì giận dữ, khi thì dịu hiền. Ban đêm biển cũng ngủ như chúng ta và giờ đây đang tỉnh dậy, khoan khoái sau một giấc ngủ ngon! Nê mô chẳng chào hỏi gì. Hình như con người bí hiểm này đang tiếp tục một câu chuyện bị bỏ dở, ông ta nói:

- Giáo sư nhìn xem: đại dương tỉnh giấc dưới ánh nắng dịu hiền. Nó bắt đầu cuộc sống ban ngày. Thật kỳ thú khi quan sát những biểu hiện đầy sức sống của cơ thể nó! Biển có tim, có mạch máu, và tôi hoàn toàn đồng ý với nhà bác học Mô-ri, người đã phát hiện ra rằng nước ở đại dương cũng tuần hoàn, hết như sự tuần hoàn của máu trong cơ thể sống. Nê-mô chẳng đợi trả lời, và tôi cũng thấy nể ngất lời ông ta bằng nhiều câu “vâng”, “tất nhiên”, “rất đúng” trông rỗng thì thật là thừa. Ông ta như tự nói với mình và sau mỗi câu lại im lặng hồi lâu.

Nê-mô im lặng và chăm chú nhìn biển cả, môi trường mà ông ta đang cố sức nghiên cứu cặn kẽ. Một lát sau, ông ta nói:

- Biển chứa một lượng muối đáng kể. Nếu như có thể tập trung tất cả muối bị hòa tan trong đại dương lại thì nó sẽ chất thành một khối bằng bốn triệu rưỡi dặm khối. Và nếu trải đều trên mặt đất thì nó sẽ tạo thành một lớp dày hơn mười mét. Nhưng ngài chớ tưởng rằng muối chứa trong nước biển là do sự trái tính của thiên nhiên. Không phải đâu! Muối làm giảm sự bốc hơi của nước biển và giúp các miền khí hậu ôn hòa tránh được mưa nhiều. Vai trò làm cân đối hoạt động của thiên nhiên trên trái đất thật quan trọng, thật vinh quang!

[...] Và cuộc sống thật sự là ở đây, chỉ ở đây thôi! Tôi tin là có khả năng xây dựng những thành phố ngầm, những tòa nhà ngầm dưới biển cứ mỗi sáng lại nổi lên mặt nước để dự trữ không khí trong lành giống như tàu Nau-ti-lux. Những thành phố độc lập, những thành phố tự do...

(Trích *Chương 18 - Hai vạn dặm dưới đáy biển*)

Câu 1. Đoạn trích nói về đề tài gì?

- A. Một xã hội lí tưởng
- B. Ngôi nhà hiện đại kiểu “Tất cả cho hạnh phúc”
- C. Bốn ngàn dặm dưới thái bình dương
- D. Du hành trong vũ trụ

Câu 2. Đoạn trích trên có cuộc đối thoại của những nhân vật nào?

- A. Nhân vật Nê-mô và giáo sư
- B. Nhân vật Nê-mô và những người thủy thủ
- C. Nhân vật giáo sư và những người thủy thủ
- D. Thuyền phó và những người thủy thủ

Câu 3. Khi giáo sư đang mãi ngắm cảnh đẹp của đại dương thì thuyền trưởng Nê-mô lên boong tàu để làm gì?

- A. Để ngắm cảnh đẹp đại dương
- B. Để nói chuyện với giáo sư
- C. Để quan sát thiên văn
- D. Để xem những người thủy thủ bắt cá

Câu 4. Theo giáo sư, nhân vật Nê – mô là người như thế nào?

- A. Người tài giỏi
- B. Người bí hiểm
- C. Người hoạt bát, hòa đồng
- D. Người nóng tính, khó gần

Câu 5. Phó từ trong câu “Ông ta như tự nói với mình và sau mỗi câu lại im lặng hồi lâu.” là từ nào?

- A. Như
- B. Với
- C. Và
- D. **Mỗi**

Câu 6. Công dụng của dấu ngoặc kép trong câu “Nê-mô chẳng đợi trả lời, và tôi cũng thấy nếu ngắt lời ông ta bằng nhiều câu “vâng”, “tất nhiên”, “rất đúng” trông rỗng thì thật là thừa.” là gì?

- A. **Dấu ngoặc kép thường được dùng để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc của người nào đó.**
- B. Dấu ngoặc kép được dùng để đánh dấu các từ ngữ có hàm ý mỉa mai.
- C. Dấu ngoặc kép được dùng để đánh dấu tên của các vở kịch, tác phẩm văn học, tờ báo, tập san... dẫn trong câu văn.
- D. Dấu ngoặc kép được dùng để đánh dấu các từ ngữ có ý nghĩa đặc biệt.

Câu 7. Vì sao nhân vật Nê – mô cảm thấy kỳ thú khi quan sát những biểu hiện đầy sức sống của biển?

- A. Vì biển có tim, có mạch máu
- B. Vì nước ở đại dương cũng tuần hoàn, hết như sự tuần hoàn của máu trong cơ thể sống
- C. Vì biển cũng như một sinh vật, lúc thì giận dữ, khi thì dịu hiền
- D. **Cả ba đáp án trên**

Câu 8. Theo Nê – mô, vai trò của muối trong nước biển là gì?

- A. **Muối làm giảm sự bốc hơi của nước biển và giúp các miền khí hậu ôn hòa tránh được mưa nhiều.**
- B. Duy trì áp lực thẩm thấu, giữ cho cân bằng lượng nước bên trong, ngoài tế bào và trong lòng mạch máu.

C. Duy trì cân bằng pH trong các tế bào cơ thể và giúp hỗ trợ cải thiện sức khỏe hô hấp

D. Cả ba đáp án trên đều sai

Câu 9. Nhân vật “tôi” trong đoạn trích có nói: “Tôi tin là có khả năng xây dựng những thành phố ngầm, những tòa nhà ngầm dưới biển cứ mỗi sáng lại nổi lên mặt nước để dự trữ không khí trong lành giống như tàu Nau-ti-lux”. Hiện nay điều này đã trở thành hiện thực chưa?

Câu 10. Nếu có cơ hội tham gia chuyến đi biển đầy mạo hiểm song cũng hết sức thú vị như các nhân vật trong tác phẩm thì em có tham gia không? Vì sao?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. C	2. A	3. C	4. B	5. D	6. A	7. D	8. A
------	------	------	------	------	------	------	------

Câu 9. Câu nói của nhân vật “tôi” hiện nay đã trở thành hiện thực. Tàu ngầm đã được phát minh và giúp ích cho con người trong cuộc sống. Tàu ngầm cũng được sử dụng cho vận chuyển hàng hải và nghiên cứu khoa học ở đại dương cũng như ở vùng nước ngọt, giúp đạt tới độ sâu vượt quá khả năng lặn của con người.

Câu 10. Học sinh chia sẻ theo cảm nhận của cá nhân, đảm bảo tính thực tế, phù hợp, không vi phạm quy định về đạo đức và pháp luật.

Đề số 4:

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Cuộc du hành vào lòng đất” (1864) là cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng của Giuyn Véc-nơ. Câu chuyện kể về một giáo sư người Đức tên là Li-den-trúc (Lidenbrock) tin rằng từ những miệng núi lửa có con đường đi thẳng xuống trung tâm Trái Đất. Ông cùng đưa cháu Irai A-xen (Axel) và người dẫn đường Han xơ

(Hans) đã trải qua những chuyến phiêu lưu như vì. Sau đây là một đoạn trích từ tác phẩm.

MỘT TRĂM DẶM DƯỚI MẶT ĐẤT

[...] Tôi được biết cái ngã "may mắn" đã hất tôi xuống một đường hầm gần như thẳng đứng. Cuộc di chuyển kinh khủng ấy đã ném tôi vào tay giáo sư, bất tỉnh và máu me đầy người.

– A-xen này, – Giáo sư nói — bị một tai nạn như vậy mà không ảnh hưởng gì đến tính mạng, chủ cũng thấy lạ! Nhưng từ nay chúng ta không nên rời nhau kéo có ngày không còn nhìn thấy nhau nữa đâu!

“Chúng ta không nên rời nhau!”. Như vậy cuộc hành trình chưa kết thúc? Thấy tôi tròn mắt ngạc nhiên, chú tôi hỏi:

- Sao vậy, A-xen?

– Chúng ta không phải đang ở trên mặt đất sao?

Không! Ô! Không lẽ cháu bị điên vì cháu thấy ánh sáng Mặt Trời, cháu nghe tiếng gió thổi và cả tiếng sóng vỗ nữa.

-Chú sẽ không giải thích gì hết vì đó là điều không thể giải thích nổi. Nhưng cháu sẽ được nhìn thấy tận mắt và tự hiểu là có những điều mà khoa học địa chất chưa khám phá hết .

[...] Trên bãi thoải thoải này, ở cách mép sông một khoảng là chân những rặng núi sừng sững, cao vút, với những cạnh đá như xé toạc bờ biển, đâm ra khơi thánh những mũi đất. Xa xa, khối núi đá kéo dài in hình trên nền chân trời mù sương. Đây quả thật là một đại dương với đường nét bờ biển thất thường hết như ở những biển trên mặt đất, nhưng vắng vẻ và hoang dã một cách kinh khủng. Sở dĩ tôi có thể phóng tầm mắt ra tít ngoài khơi vì mọi chi tiết trên biển đều được soi tỏ bằng thứ ánh sáng đặc biệt, không phải ánh sáng Mặt Trời với những tia nắng huy hoàng rực rỡ, cũng chẳng phải là ánh sáng lạnh lẽo, nhợt nhạt và mờ ảo của Mặt Trăng. Khả năng chiếu sáng, sự khuếch tán, sắc sáng trắng và khô, sự tăng nhiệt độ,....., tất cả chứng tỏ ánh sáng này thuần túy do điện mà ra. Vòm đá hoa cương

treo trên đầu tôi giống hết một bầu trời với những đám mây ông ánh đổi màu chuyển động. Tôi cứ ngỡ dưới một áp suất lớn như vậy của khí quyển, nước không thể bay hơi được, nhưng vì một lí do nào đó, trên cao lại dày đặc những đám mây lớn.

[...]Trí tưởng tượng của tôi hoàn toàn bất lực trước khoảng rộng bao la ấy! Tôi đứng lặng ngẫm tất cả những kì quan này mà tưởng như đang ở một hành tinh nào đó rất xa lạ với con người. Không tài nào tưởng tượng nổi, tôi ngắm nhìn, ngẫm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sững sốt và kinh hãi. Điều này cũng dễ hiểu, vì sau bốn mươi bảy ngày bị cầm tù trong một đường hầm chật hẹp, nay được hít thở cái không khí ẩm và mặn của biển, còn gì vui sướng hơn! [...]

Câu 1. Nội dung chính của đoạn chữ in nghiêng ở phía trên văn bản *Một trăm dặm dưới mặt đất* là gì?

- A. Kể lại những câu chuyện phiêu lưu và thám hiểm miệng núi lửa
- B. Miêu tả cảnh một giáo sư người Đức thực hiện cuộc du hành trong lòng đất.
- C. Giới thiệu khái quát tiểu thuyết *Cuộc du hành vào lòng đất của Véc-nơ*
- D. Kể lại cảnh đoàn thám hiểm khám phá những bí mật trong trung tâm Trái Đất

Câu 2. Đoạn trích trên có cuộc đối thoại của những nhân vật nào?

- A. Nhân vật Nê-mô và giáo sư
- B. Nhân vật Nê-mô và A-xen
- C. Nhân vật A-xen và giáo sư
- D. Thuyền phó và những người thủy thủ

Câu 3. Không gian trong đoạn trích là không gian nào?

- A. Bãi biển và bầu trời
- B. Trong lòng chiếc hang khổng lồ
- C. Trong hang và trên mặt đất
- D. Bầu trời sao và vòm đá hoa cương

Câu 4. Vì sao biển ngầm trong đoạn trích lại có tên là Lin-đen-brốc?

- A. Tên biển đã có từ thời xa xưa
- B. Do người dân địa phương đặt từ lâu
- C. Lấy tên từ một truyền thuyết về biển cả
- D. Lấy tên vị giáo sư đã khám phá ra nó**

Câu 5. Công dụng của dấu ngoặc kép trong câu “Chúng ta không nên rời nhau!”. là gì?

- A. Dấu ngoặc kép được dùng để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc của người nào đó.**
- B. Dấu ngoặc kép được dùng để đánh dấu các từ ngữ có hàm ý mỉa mai.
- C. Dấu ngoặc kép được dùng để đánh dấu tên của các vở kịch, tác phẩm văn học, tờ báo, tập san... dẫn trong câu văn.
- D. Dấu ngoặc kép được dùng để đánh dấu các từ ngữ có ý nghĩa đặc biệt.

Câu 6. Câu văn nào thể hiện rõ người viết dựa vào kiến thức khoa học?

- A. Không tài nào tưởng tượng nổi, tôi ngắm nhìn, ngắm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sùng sốt và kinh hãi!
- B. Nhưng cháu sẽ được nhìn thấy tận mắt và tự hiểu là có những điều mà khoa học địa chất chưa khám phá hết!
- C. Khả năng chiếu sáng, sự khuếch tán, sắc sáng trắng và khô, sự tăng nhiệt độ,..., tất cả chứng tỏ ánh sáng này thuần túy do điện mà ra.**
- D. Vòm đá hoa cương treo trên đầu tôi giống hệt một bầu trời với những đám mây óng ánh đổi màu chuyển động.

Câu 7. Xác định số từ trong câu “Sau bốn mươi bảy ngày bị cầm tù trong một đường hầm chật hẹp, nay được hít thở cái không khí ẩm và mặn của biển, còn gì vui sướng hơn!”.

- A. Bốn mươi bảy
- B. Một
- C. Bốn mươi bảy, một**
- D. Bốn mươi bảy, một, hẹp

Câu 8. Trí tưởng tượng phong phú của tác giả thể hiện ở việc miêu tả cảnh nào?

- A. Cảnh vòm đá hoa cương của chiếc hang rộng mênh mông
- B. Cảnh cậu bé A-xen bị hất xuống một đường hầm thẳng đứng
- C. Cảnh từng đợt sóng theo nhau xô lên bãi cát vàng mịn.
- D. Cảnh khối núi đá kéo dài in hình trên nền chân trời mù sương**

Câu 9. Nhận xét về cách viết của tác giả trong đoạn trích trên?

Câu 10. Vì sao ở đoạn cuối, nhân vật “tôi” ngấm nhìn, ngấm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sững sốt và kinh hãi?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. C	2. C	3. A	4. D	5. A	6. C	7. C	8. D
------	------	------	------	------	------	------	------

Câu 9. Nhận xét về cách viết của tác giả trong đoạn trích: Người viết Sử dụng nhiều chi tiết tưởng tượng, nhưng có cơ sở khoa học. Đây là đặc trưng của thể loại truyện khoa học viễn tưởng.

Câu 10.

Ở đoạn cuối đoạn trích nhân vật “tôi” lại “ngấm nhìn, ngấm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sững sốt và kinh hãi!” là bởi nhân vật đã trải qua một sự kiện bất ngờ là lọt vào trong một cái đường hầm gần như thẳng đứng khiến nhân vật tôi bất tỉnh. Cậu còn được tận mắt chứng kiến vòm đá hoa cương ở cửa hang giống như những đám mây óng ánh chuyển màu. Tuy nhiên ở đây ánh sáng không phải ánh mặt trời mà là ánh điện nên “tôi” cảm thấy u sầu và ảm đạm. Trở lại thực tại là nhân vật “tôi” đang bị giam trong một cái hang không ước được diện tích và trước mặt là biển cả. Tất cả những điều đó khiến cho nhân vật “tôi” sững sốt và kinh hãi.

Đề số 5:**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:****RƯỢT ĐUÔI VÀ KHÁM PHÁ***(Trích Hai vạn dặm dưới đáy biển - J. Verne)*

Tất cả xô tới chỗ Nét : thuyền trưởng, các sĩ quan, anh em, thuỷ thủ. Thật chỉ các kĩ sư và thợ đốt lò cũng bỏ máy và lò mà chạy lên. Pha-ra-gút ra lập tức hãm tàu lại và chiếc tàu chỉ còn chuyển động theo quán tính.

Trời tối như mực. Tôi rất ngạc nhiên không hiểu vì sao Nét có thể nhìn thấy một vật gì đó trong đêm dày đặc như thế này. Tim tôi đập mạnh như vỡ ra. Nhưng Nét không làm. Một lát sau, mọi người đã nhìn thấy cái mà Nét chỉ.

Cách tàu Lin-côn gần bốn trăm mét, biển hình như được chiếu sáng từ trong ra. Đó không phải là hiện tượng biển có ánh sáng như thường gặp. Ca quái vật nổi lên những lớp nước phía trên và đang nghỉ.

Từ thân nó toả ra cái ánh sáng rực rỡ khó tả mà nhiều thuyền trưởng đã nói đến trong báo cáo của họ. Những cơ quan phát sáng của con vật phổ mạnh mẽ thế nào mới phát ra được ánh hào quang lung lẫy như vậy! Con vật đó có hình bầu dục lớn, thon dài, ở giữa đặc biệt sáng và giảm dần ở hai đầu.

– Đó chỉ là nơi tập trung những chất hữu cơ phát sáng thôi! – một sĩ quan nói.

– Ngài lầm rồi, – tôi kiên quyết phản đối, – Động vật chẳng bao giờ phát ra chất sáng như vậy. Đó là ánh sáng điện... Kìa nhìn xem, nhìn xem kìa! Ánh sáng đang chuyển động khi gần khi xa. Nó đang hướng về phía chúng ta đây.

Có tiếng kêu la trên boong.

Nghiêm! – Thuyền trưởng Pha-ra-gút hô.

– Cho tàu lùi! Mọi người chạy về vị trí của mình. Kẻ thì về buồng lái, người thì về buồng máy. Tàu Lin-côn về một nửa vòng tròn trên mặt biển.

– Lái sang phải! Cho tàu chạy thẳng! - Pha-ra gút ra lệnh.

Chiếc tàu chiến tăng tốc độ và bắt đầu tránh ra xa điểm sáng.

Tôi đã làm. Chiếc tàu muốn lảng tránh, nhưng con quái vật đuổi theo với tốc độ lớn hơn.

Chúng tôi nín thở. Có lẽ chẳng phải vì sợ hãi mà vì ngạc nhiên mà chúng tôi cứ đứng sững tại chỗ. Con vật rượt theo chúng tôi như đùa giỡn. Nó lượn quanh tàu lúc ấy đang chạy nhanh mười bốn hải lí một giờ. Nói rồi ánh sáng điện vào tàu rồi trong chớp mắt lại bơi ra cách tàu hai, ba hải lí và để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh trông tựa những cuộn khói từ một đầu tàu chạy nhanh phun ra. Bỗng nhiên từ phía sau đường chân trời đen thẫm, con quái vật lấy đà lao thẳng tới tàu Lin-côn với một tốc độ ghê người. Nhưng đến cách tàu khoảng sáu mươi mét, nó đột ngột dừng lại và tắt điện. Không, nó không lặn xuống, vì nếu lặn thì ánh sáng phải giảm đi dần dần. Đằng này nó tắt phụt, tựa như nguồn ánh sáng bỗng bị cạn. Con quái vật lại xuất hiện ở phía bên kia tàu, chẳng biết là đã vòng qua hay chui luôn phía dưới. Từng giây phút có thể xảy ra tai nạn đâm vào nhau. Tôi ngạc nhiên về thái độ của con tàu. Nó bỏ chạy chứ không giao chiến. Chính con tàu có nhiệm vụ tìm diệt quái vật, thế mà giờ đây quái vật lại rượt theo tàu! Tôi lưu ý thuyền trưởng Pha-ra-gút về việc đó. Trên khuôn mặt gan góc của ông ta lộ rõ vẻ hoang mang cao độ.

Câu 1. Trong phần đầu của đoạn trích, con quái vật (sau này giáo sư mới biết là tàu ngầm) đã xuất hiện trong không gian nào?

A. Đêm trời tối như mực, biển khơi tối đen.

B. Vào ban ngày, trên biển khơi

C. Vào một ngày mưa gió tầm tã

D. Vào một ngày nắng đẹp.

Câu 2. Việc xây dựng không gian như trong đoạn trích có tác dụng gì?

A. Làm cho câu chuyện đầy đủ không gian, thời gian.

B. Giúp người đọc hình dung rõ hơn không gian của câu chuyện.

C. Kích thích trí tò mò của các nhân vật, làm cho câu chuyện hấp dẫn.

D. Giúp câu chuyện hay hơn.

Câu 3. Câu “– Lái sang phải! Cho tàu chạy thẳng!” là lời nói của nhân vật nào?

A. Nhân vật giáo sư

B. Nhân vật A-xen

C. Thuyền trưởng Pha-ra-gút

D. Nhân vật người thủy thủ

Câu 4. Những chi tiết được tưởng tượng có trong đoạn trích là:

A. Thuyền trưởng đang tìm hiểu về vật thể lạ xuất hiện trên biển

B. Con quái vật phát ra ánh sáng đuổi theo tàu của giáo sư

C. Con tàu trên biển đi đánh bắt cá

D. Thuyền trưởng cùng với giáo sư đang khám phá đại dương

Câu 5. Những yếu tố khoa học được nhắc đến trong đoạn trích là gì?

A. Tàu ngầm có thể hoạt động dưới biển

B. Con quái vật khổng lồ đang rượt đuổi tàu của giáo sư

C. Thuyền của giáo sư đang khám phá đại dương

D. Giáo sư và thuyền trưởng đang nghiên cứu để phát minh ra tàu ngầm.

Câu 6. Số từ trong câu “Nhưng đến cách tàu khoảng sáu mươi mét, nó đột ngột dừng lại và tắt điện. “ bổ sung ý nghĩa gì?

A. Chỉ thứ tự

B. Chỉ số lượng

C. Chỉ mức độ

D. Chỉ thời gian

Câu 7. Đặc điểm bên ngoài của tàu ngầm được miêu tả qua những chi tiết nào?

A. Có hình bầu dục lớn, thon dài

B. Có luồng sáng cực mạnh

C. Có thể chạy với tốc độ rất nhanh và có thể ngụp lặn dưới biển

D. Cả ba đáp án trên

Câu 8. Tìm phó từ trong câu “Một lát sau, mọi người đã nhìn thấy cái mà Nét chỉ.”

A. Một, nhìn

B. Mọi, người

C. Mọi, đã

D. Một, chỉ

Câu 9. Đoạn trích trên nói đến hình ảnh con tàu. Theo em, hình ảnh con tàu mà tác giả nhắc đến có giống tàu ngầm trong thực tế không? Vì sao?

Câu 10. Nếu có cơ hội tham gia chuyến đi biển đầy mạo hiểm song cũng hết sức thú vị như các nhân vật trong tác phẩm thì em có tham gia không? Vì sao?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1.A	2.C	3.C	4.B	5.A	6.B	7.D	8.C
------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------

Câu 9.

Hình ảnh con tàu mà tác giả nhắc đến trong đoạn trích giống tàu ngầm hiện nay về hình dáng, tốc độ, cấu trúc...

Câu 10. Học sinh chia sẻ theo cảm nhận của cá nhân, đảm bảo tính thực tế, phù hợp, không vi phạm quy định về đạo đức và pháp luật.

IV. TÙY BÚT, TẢN VĂN

1. Một số lưu ý khi đọc – hiểu văn bản tản văn, tùy bút

- Đọc văn bản, nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm tản văn, tùy bút.

- Đọc-cảm nhận, vận dụng tri thức đọc hiểu, nhận diện tác phẩm đó thuộc thể tùy bút hay tản văn.

+ **Nếu là tùy bút** chú ý đến những chi tiết con người và sự kiện cụ thể, có thực trong tác phẩm, nhất là những chi tiết trở thành cái cớ để bộc lộ **những tình cảm, cảm xúc, suy tư và nhận thức của người viết về cuộc sống**. Đồng thời phát hiện xem tác giả có cái nhìn như thế nào khi nhìn nhận, lí giải các sự việc, hiện tượng. **Nhận biết được hình ảnh và chất thơ trong thể loại tùy bút.**

+ **Nếu là tản văn**: tìm ra những tín hiệu thẩm mĩ trở thành cấu tứ tác phẩm được triển khai từ một vài tín hiệu thẩm mĩ đóng vai trò trung tâm trong thế giới nghệ thuật. Khi khai thác tản văn không nên chú ý đến cốt truyện mà nên **quan tâm đến cảm xúc và những chi tiết khơi gợi cảm xúc cũng như dấu ấn cá nhân của nhà văn. Chú ý đến ý nghĩa xã hội của hiện tượng trong văn bản và những tình cảm, ý nghĩ của tác giả thể hiện trực tiếp trong văn bản.**

- Chú ý các chi tiết, sự kiện, được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tùy bút, tản văn.

– Rút ra được thông điệp, bài học nhân văn mà tùy bút, tản văn đem đến cho người đọc.

– Suy nghĩ để cảm nhận tư tưởng, quan niệm, luận bàn của tác giả được về những vấn đề nhân sinh, xã hội.

– Liên hệ với bản thân và cuộc sống thực tại để thấy ý nghĩa của tùy bút, tản văn đối với cuộc sống, con người.

2. Một số đề đọc hiểu

Đề số 1

Đọc văn bản sau và trả lời những câu hỏi bên dưới:

HẠNH PHÚC TỪ TRONG TÂM

Tuệ Nghi

Thỉnh thoảng, khi thức dậy, tôi lại chào buổi sáng bằng tiếng thở dài. Cuộc đời là một chuỗi những âu lo, làm sao tránh khỏi những lúc hoang mang không biết đời mình rồi sẽ ra sao? Giới hạn giữa được và mất quá mong manh, có rồi lại mất, ngày hôm qua còn là của mình nhưng có ai biết được đến hôm nay hay ngày mai liệu có phải sẽ trở thành của người khác hay không?

Tôi cuống cuống tìm cách níu giữ những thứ mình mất đi, tôi mệt mỏi trong mỗi phút phải gồng mình hứng chịu những cơn mưa đời không biết đến bao giờ mới tạnh.

Tôi đã từng ước, giá mà tôi được trở lại tuổi thơ, khi mà những ước mơ của tôi chỉ dừng lại ở tấm áo mới, cuốn truyện tranh. Tuổi thơ là khi tôi dễ dàng tìm được cảm giác thoải mái và hạnh phúc nhất, chỉ cần được nghỉ học một buổi là đã cảm thấy mình ngập tràn trong hưng phấn của năng lượng hạnh phúc mang lại. Nhưng giờ đây tôi rất khó để tìm về cảm giác đó. Hạnh phúc nhất là khi được làm trẻ con, dù rằng thời trẻ con thì cứ mong được làm người lớn.

Chiều tắt nắng, tôi đi bộ tha thẩn trên phố, thấy dòng đời vẫn hối hả, có lẽ tôi đã lạc trong sự hối hả đó quá lâu. Có quá nhiều những áp lực đè nén trong lòng khiến đôi khi tôi không biết mình thực sự cần gì, muốn gì, và đâu mới là thứ thật sự khiến tôi hạnh phúc.

Bất giác, tôi thở dài giữa dòng đời tấp nập những tiếng thở dài khe khẽ. Tôi dừng chân dưới một căn chung cư cũ kỹ, leo hết những nấc cầu thang nhỏ bé đầy rêu phong, ghé vào một quán cà phê nhỏ. Catinat chiều mưa vẫn buồn và lẳng đọng như thế, tình khúc Phú Quang da diết đưa tôi ra khỏi những câu hỏi “vì sao” cứ bủa vây lấy tôi mỗi lúc lạc lõng.

Buổi chiều bao trùm hình bóng nhỏ nhoi bên góc ban công thẫn thờ nhìn ra phố. Cuộc đời là những niềm vui chưa tày gang, là những nỗi buồn cứ bám riết lấy ta không nguôi. Đời dù ô trọc mà vẫn phải gượng cười, đời dù cay đắng mà vẫn phải nuốt ngược vào trong. Những cuộc chiến ở đời, ai thắng ai thua rồi cũng phải về lại với cát bụi. Gọi là cõi tạm mà sao phải khổ như thế.

Tôi để đôi chân trần được nghỉ ngơi trong chốc lát trước khi lại một nhào ngược xuôi trên đường đời. Tôi nhận ra rằng hạnh phúc là vô hình, là khi ngồi ở đây, nhìn qua kẽ lá thấy mưa bắt đầu rơi tí tách, cuộc đời lững thững trôi, gánh hàng rong vẫn xuôi ngược giữa tấp nập thành thị, kẻ khóc người cười, hỉ nộ ái ố, tôi bước ra khỏi những cuộc chiến vô nghĩa trong cô độc. Tôi thứ tha cho những thứ đã làm mình đau đớn, sự tha thứ đó chính là món quà dành cho chính tôi, để tôi có thể thanh thản mà bước tiếp bởi không ai có thể đi xa nếu cứ gánh theo trên vai những uất hận ở đời.

Hạnh phúc là khi tôi được bình an.

Mọi thứ đều sẽ có cách giải quyết, nút thắt nào cũng sẽ có cách để mở, người cần đến sẽ đến và người cần đi sẽ buộc phải ra đi.

(Trích *Sẽ có cách đừng lo*, Tuệ Nghi, NXB Văn học, 2015, tr.6 – 8)

Câu 1. Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ ba
- D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ hai

Câu 2. Tác dụng của ngôi kể đối với việc thể hiện nội dung là gì?

- A. Ở ngôi kể này người viết đứng ngoài câu chuyện và quan sát được mọi chuyện ở mọi thời điểm.
- B. Ở ngôi kể này người viết nói về cảm xúc của chính mình, những điều mình đã từng trải qua suy ngẫm nên nó chân thực và giàu tính thuyết phục.
- C. Ở ngôi kể này người viết có thể linh hoạt kể lại câu chuyện ở nhiều không gian, thời gian khác nhau.
- D. Ở ngôi kể này người viết giấu mình đi và gọi tên nhân vật theo tên của họ nên câu chuyện khách quan hơn.

Câu 3. Nhan đề “Hạnh phúc từ trong tâm” có ý nghĩa gì?

- A. Hạnh phúc là do chính mình cảm nhận.
- B. Hạnh phúc là do chính mình tạo ra dựa trên sự suy nghĩ thấu đáo và bằng lòng với những gì mình có.
- C. Chủ động tạo ra hạnh phúc cho chính mình, không bị phụ thuộc vào người khác.

D. Cả ba đáp án trên.

Câu 4. Văn bản này đề cập đến vấn đề gì?

- A. Nói về một cô gái cảm thấy mệt mỏi, chán chường với cuộc sống thực tại.
- B. Nói về ước mơ của một cô gái mong muốn được đi nhiều nơi.
- C. Nói về vấn đề hạnh phúc là gì; làm thế nào để hạnh phúc.**
- D. Nói về những gian truân, vất vả mà mỗi người đều phải trải qua.

Câu 5. Phó từ trong câu “*Những cuộc chiến ở đời, ai thắng ai thua rồi cũng phải về lại với cát bụi.*” là:

- A. Những, cũng**
- B. Cuộc chiến, cát bụi
- C. Thắng, thua
- D. Về, với

Câu 6. Nhận xét nào đúng về cách sử dụng các từ ngữ được gạch chân trong câu văn: *Tôi cuồng cuồng tìm cách nín giữ những thứ mình mất đi, tôi mệt mỏi trong mỗi phút phải gồng mình hứng chịu những cơn mưa đời không biết đến bao giờ mới tạnh.*”

- A. Lựa chọn từ ngữ độc đáo
- B. Từ ngữ giàu tính hình tượng
- C. Từ ngữ góp phần làm nổi bật tâm trạng vội vã, hốt hoảng, mệt mỏi...của nhân vật “tôi” trong cuộc sống.

D. Cả ba đáp án trên.

Câu 7. Theo người viết, thế nào là hạnh phúc

- A. Hạnh phúc là khi làm việc cuồng cuồng vội vã để có điều kiện kinh tế tốt.

B. Hạnh phúc là khi tôi được bình an.

C. Hạnh phúc là lúc được đi khắp nơi trên thế giới.

D. Hạnh phúc là khi được làm quen với nhiều người.

Câu 8. Từ nào sau đây là từ Hán Việt

A. Ban công

B. Buổi chiều

C. Vô hình

D. Vội vã

Câu 9. Em có đồng tình với tác giả khi tác giả cho rằng: “*Mọi thứ đều sẽ có cách giải quyết, nút thắt nào cũng sẽ có cách để mở, người cần đến sẽ đến và người cần đi sẽ buộc phải ra đi.*” không? Vì sao?

Câu 10. Theo em, qua văn bản này, tác giả muốn gửi gắm thông điệp nào về cuộc sống?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

7. A	8. B	3.D	4.C	5.A	6.D	7.B	8.C
------	------	-----	-----	-----	-----	-----	-----

Câu 9. Học sinh đưa ra quan điểm của bản thân và lí giải hợp lí.

Ví dụ: HS đồng tình: Lí giải: Mọi việc dù có khó khăn cũng có cách giải quyết, kể cả trong tình huống ta thất bại cũng phải dũng cảm đối diện thất bại, tìm ra nguyên nhân, giải pháp khắc phục.

Câu 10: Theo em, văn bản đưa ra thông điệp:

Hạnh phúc xuất phát từ chính trong tâm ta. Hãy bình tĩnh, vững vàng đối diện với khó khăn, thử thách trong cuộc sống, vượt qua chúng để mang lại hạnh phúc cho chính mình. Hãy trân trọng những gì mình đang có.

Đề số 2**Đọc văn bản sau và trả lời những câu hỏi bên dưới:****ĐÀ LẠT VÀ TÔI**

Chu Văn Sơn

Tôi đồ rằng, do bất bình trước cái việc tạo hoá đã ném mình vào nắng nung khiến thân nhiệt lúc nào cũng nồng nã vã sáng, xứ nhiệt đới này đã gồng mình cướp lại bằng được một phần ôn đới rồi đem về cất giấu tận trên cao nguyên Di Linh làm của để dành. Vì thế mà có Đà Lạt. Đà Lạt được giấu kín như thế hàng kỉ nguyên sau mây mù và rừng núi rậm rạp. Kín đến nỗi chính xứ nhiệt đới cũng từng quên mất nó. Chỉ đến khi một người Pháp tốt bụng là Yersin kiên nhẫn dò tìm và phát hiện ra, thì Đà Lạt mới được khua dậy, được dắt tay ra khỏi lãng quên. Lập tức người Pháp ở Đông Dương chọn đây làm nơi nghỉ dưỡng khi không thể về bản quốc.

Lên đây, họ cảm thấy được hồi hương ngay tại xứ người. Người Việt xem Đà Lạt như một ôn đới gần, một ôn đới nằm gọn trong vòng tay nhiệt đới. Từ Hà Nội bay vào hay Sài Gòn bay ra, họ đều cất cánh từ mùa hạ, sau vài tiếng đồng hồ, đáp cánh xuống mùa thu. Người bị ngập đầu trong guồng quay công việc tìm về đây cho ngày cuối tuần thư giãn, y như thổi sắt nung được nhúng vào nước lạnh.

Người cầm tù trong nhịp sống tĩnh tại, thời gian biểu quản quanh, tìm về đây như một dịp thau chua rửa mặn, được sống những nhu cầu khuất lấp trong mình. Có phải ngàn thông là một bộ lọc tận tụy vô tư cho Đà Lạt không Bao bọc Đà Lạt trong lòng mình, ru vỗ Đà Lạt trong cái nội xanh đời đời của mình, thông cao nguyên cứ lặng thầm lọc nóng thành mát, đục thành trong tục thành thanh, ồn ã thành êm ả, nhiệt đới thành ôn đới...

[...]Mối nguy cơ đến từ vùng thấp đang lan tràn và lăm le đánh chiếm nổi miền cao này. Cái xô bồ, hỗn tạp, nhiều loạn, quay cuồng chẳng đời nào chịu buông tha cho những chốn êm đềm yên ả. Sự cách li có là phòng tuyến lâu dài? Sự ẩn dật có thể là trường thành chống đỡ và cách sống chậm nữa, liệu có thể là lá mộc che

giữ cho sự bình yên này mãi không? Tôi đọc ra niềm lo âu trong mỗi tiếng thở dài của rừng thông về đêm và những thoáng rừng mình kín đáo từ những đoá hoa hồng, lay ơn, cẩm tú cầu khi những tia nắng đầu tiên gọi về một ngày mới.

Nỗi lo âu dường như cũng tỏ mờ ngay cả trong những làn hương từ mỗi li cà phê trong quán nhỏ. Chẳng thế mà, đang nghi ngút toả lên yên ả vậy, sao chốc chốc làn hương lại chợt ngừng, chợt ngơ ngẩn bởi những thoáng gió lạ lúc nắng mai? Chỉ Đà Lạt mới biết hằng đêm, mỗi khi tiếng chuông điểm canh trên thiền viện ngân trong thanh vắng, thì cũng là lúc ngàn thông vào thiền định trong một lễ cầu an mệnh mông thắm nguyện cầu cho xứ sở yên hàn.

(Trích *Đà Lạt và tôi*, in trong cuốn *Tự tình cùng cái đẹp* của Chu Văn Sơn, NXB Hội Nhà văn, 2019, tr.38 – 49)

Câu 1. Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ hai
- B. Ngôi thứ nhất**
- C. Ngôi thứ hai
- D. Ngôi thứ ba

Câu 2. Vẻ đẹp của thiên nhiên của Đà Lạt theo quan điểm của người viết gắn liền với khí hậu gì?

- A. Khí hậu ôn đới**
- B. Khí hậu nhiệt đới
- C. Khí hậu khô cạn
- D. Khí hậu lục địa

Câu 3. Câu văn “Người bị ngập đầu trong guồng quay công việc tìm về đây cho ngày cuối tuần thư giãn, y như thỏi sắt nung được nhúng vào nước lạnh.” thể hiện ý nghĩa gì?

- A. Đà Lạt là một vùng đất còn hoang sơ.
- B. Đà Lạt giúp xua tan những phiền muộn, lo âu trong cuộc sống.**

C. Đà Lạt có vẻ đẹp tiềm ẩn.

D. Đà Lạt hiện đại, xa hoa.

Câu 4. Nhận xét nào sau đây đúng khi nói về cách sử dụng ngôn ngữ trong đoạn trích:

A. Ngôn từ độc đáo

B. Từ ngữ giàu cảm xúc

C. Từ ngữ góp phần bộc lộ quan điểm cá nhân và làm nổi bật vấn đề xã hội.

D. Cả ba đáp án trên.

Câu 5. Từ Hán Việt trong câu “Lên đây, họ cảm thấy được hồi hương ngay tại xứ người.” là:

A. Cảm thấy

B. Họ

C. Hồi hương

D. Người

Câu 6. Phó từ “những” trong câu văn “Nỗi lo âu dường như cũng tỏ mờ ngay cả trong những làn hương từ mỗi li cà phê trong quán nhỏ.” bổ sung ý nghĩa gì?

A. Bổ sung ý nghĩa về số lượng

B. Bổ sung ý nghĩa về quan hệ thời gian

C. Bổ sung ý nghĩa về sự tiếp diễn tương tự

D. Bổ sung ý nghĩa về phương hướng

Câu 7. Đoạn trích trên thể hiện tình cảm, cảm xúc gì của người viết:

A. Tự hào về vẻ đẹp xa hoa của Đà Lạt.

B. Yêu mến vẻ đẹp của quê hương.

C. Yêu thích vẻ đẹp bình yên của Đà Lạt và hi vọng sự bình yên đó không bị sự hỗn tạp và xô bồ xâm lấn.

D. Lo sợ vẻ đẹp của Đà Lạt bị sự xô bồ xâm lấn

Câu 8. Phó từ trong câu “Tôi đọc ra niềm lo âu trong mỗi tiếng thở dài của rừng thông về đêm và những thoáng rừng mình kín đáo từ những đoá hoa hồng, lay ơn, cẩm tú cầu khi những tia nắng đầu tiên gọi về một ngày mới.” là:

- A. Đọc, lo âu
- B. Mỗi, những**
- C. Tia nắng, hoa hồng
- D. Tia nắng, ngày

Câu 9. Em có đồng tình với tác giả khi cho rằng: *Cái xô bồ, hỗn tạp, nhiều loạn, quay cuồng chẳng đời nào chịu buông tha cho những chốn êm đềm yên ả. Sự cách li có là phòng tuyến lâu dài? Sự ẩn dật có thể là trường thành chống đỡ và cách sống chậm nữa, liệu có thể là lá chắn che giữ cho sự bình yên này mãi không? Vì sao?*

Câu 10. Theo em, để bảo vệ bình yên cho các danh lam thắng cảnh ở nước ta khỏi sự xô bồ, hỗn tạp cần có giải pháp gì?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. B	2. A	3.B	4.D	5.C	6.A	7.C	8.B
-------------	-------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------

Câu 9.

Học sinh đưa ra được ý kiến của mình và lí giải hợp lí.

Câu 10.

Gợi ý:

- Có hệ thống những quy định rõ ràng đối với du khách khi tham quan cần giữ gìn quang cảnh, môi trường tĩnh lặng.
- Khuyến khích, tuyên dương những hành động bảo vệ môi trường, danh lam thắng cảnh.

Đề số 3:

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

TIẾNG CHIM TRONG THÀNH PHỐ

(1) Hà Nội những năm vừa tiếp quản thập niên 50, 60 là một sân chim vô cùng phong phú. Kể cả những tháng ngày chiến tranh bom đạn cũng không bao giờ vắng tiếng chim. Trên những vòm lá cổ thụ là nơi trú ngụ của hàng đàn chim khuyển lớn. Hừng sáng, những chú chim trống đua nhau hót sổng gọi bạn. Tiếng hót râm ran hàng tiếng đồng hồ. Con chim vào loại bé nhất trong các loài chim ấy không ngờ có giọng hót lạnh lót vang xa đến thế. Lũ chim sẽ bị đánh thức hòa giọng chành chọc dăm dứt rời chỗ ngủ. Những con chích chòe than đậu chót vót trên ngọn cây cất tiếng hót từng hồi dài. Phía vườn Bách Thảo lạch xạch tiếng con chim dẻ quạt luồn lách trong những tàng cây thấp cất tiếng hót trong veo mảnh mai tơ tóc. Hòa giọng lanh chanh sắc nhọn của bầy chim bạc má thoăn thoắt chuyen cảnh. Những cây cổ thụ trong các đình chùa là nơi trú ngụ của những con chim cú mèo. Ban đêm, chúng lặng lẽ liệng cánh rất thấp dọc theo các con phố tối đèn tìm bắt chuột.

Tháng ba, hoa gạo nở đỏ rực bên hồ Hoàn Kiếm, Bảo tàng lịch sử, Miếu Hai Cô góc Văn Miếu. Từng đàn chim sáo đen, sáo mỏ nghệ, sáo nâu kéo về từ mạn Hòa Bình xôn xao trò chuyện. Chúng còn nán lại sang hết tháng tư khi những quả đa chín vàng rượi quanh hồ. Tháng mười một, mùa quả nhội chín, chim héc có cái mỏ đỏ chót âm ỉ kéo về phố hàng đàn. Những quả nhội chín chớm chua màu cát là thức ăn loài chim này rất thích. Những con phố Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Phan Chu Trinh lúc ấy trồng chủ yếu loại cây này.

Quanh năm trên những cây cổ thụ trong thành phố không lúc nào ngớt tiếng chim cu gáy gọi bạn. Chúng chọn những hàng cây lớn ven sông Hồng phía đường Yên Phụ và khu bệnh viện Hữu Nghị làm nơi tá túc. Là nơi có khoảng cách gần nhất để vượt sông sang những bãi bồi ngô lúa bờ bên kia. Ngoài bãi sông trong những tàng cây thấp là tiếng con chim gọi vẹt chập chờn theo tiếng sóng. Loài

chim này rất hiếm khi có thể nhìn thấy chúng. Nhưng tiếng hót đặc biệt đúng giờ và đúng nơi cứ như thể chúng vĩnh viễn có mặt ở đấy. Đầu hè là tiếng chim sơn ca tha thiết tìm bạn trên những dải cát hồng bãi giữa. Giọng sơn ca thỉnh thoảng vút cao giữa tầng không trong vắt như nhạc xuống từ trời. Con chim xấu mã này có một giọng ca tuyệt vời nhất trong toàn bộ thế giới chim cảnh.

Chim chào mào dạn người sống khắp nơi trong thành phố. Công viên vườn hoa nào cũng rất sẵn. Lũ chào mào hoảng huýt coi tất cả cây cối như nhà riêng của chúng.

Mùa di trú, chim sâm cầm, le le kéo về đậu trên mặt nước Hồ Tây thành những mảng lớn lênh đênh trên sóng. Đàn chim rét mướt giữa sương khói mặt hồ ẩn hiện thần tiên trong những lau lách lan man bên bờ. Cuối bãi sông Hồng kéo dài về phía Hà Nam là những con giang, con sếu co ro một chân im lìm soi bóng nước như bức tượng xám...

(2) Những cánh chim trong thành phố được thảnh thơi bay lượn vui vầy cho đến khoảng giữa những năm 60 của thế kỉ trước. [...]

Chim khách và chim quạ biến mất hoàn toàn cho đến tận bây giờ không chỉ ở Hà Nội. Lác đác còn lại vài con chim cu gáy sợ sệt hiếm khi nghe thấy giọng. Những chim nhỏ cũng lần lượt vào nội bởi số lượng đông đảo. Chào mào và chim sẻ trải qua giai đoạn khốc liệt này chỉ còn rất thưa thớt.

Hồ Tây với việc xây dựng ô ạt trong những năm gần đây không chỉ mất đi cảnh quan ven hồ. Đàn chim di trú cũng chỉ còn lác đác lai vãng năm về năm không. Ngoài đê sông Hồng đã trở thành phố phường, không bao giờ còn nghe thấy tiếng con chim gọi vịt nữa. Mấy cây gạo ven hồ Hoàn Kiếm và Văn Miếu đã không còn. Lũ sáo đá, sáo nâu nhiều năm rồi biệt tích.

Người Hà Nội không thể thiếu tiếng chim. Nạn săn bắn đã được kiểm soát chặt chẽ từ hơn chục năm rồi. Nhưng thật lạ, những loài chim tưởng như rất dạn người không quay về nữa. Người Hà Nội chơi chim cảnh nuôi nhốt trong lồng.

Tiếng hót sung mãn của con sơn ca, con vành khuyên, con chào mào nuôi nhốt nghe ra vẫn có âm hưởng ai oán thế nào?

Đỗ Phấn

Câu 1. Nội dung chính của phần (1) trong văn bản là gì?

- A. Tái hiện một thời thành phố Hà Nội có rất nhiều cây
- B. Tái hiện một thành phố Hà Nội có nhiều con phố nổi tiếng
- C. Tái hiện một thời thành phố Hà Nội có đầy tiếng chim
- D. Tái hiện một thành phố Hà Nội Có rất nhiều công viên, vườn hoa

Câu 2. Nội dung chính của phần (2) trong văn bản là gì?

- A. Nêu lên niềm vui của người viết về tiếng chim trong thành phố
- B. Phản ánh hiện trạng Hà Nội bây giờ đã vắng đi rất nhiều tiếng chim)
- C. Phản ánh hiện thực Hà Nội bây giờ đang xây dựng nhiều nhà cao tầng
- D. Nêu lên cảnh Hà Nội bây giờ rất nhiều người nuôi chim trong lồng

Câu 3. Tác giả sử dụng cách thức nào để miêu tả các loài chim trong thành phố

- A. Liệt kê tên các loài chim
- B. Miêu tả thời điểm hoạt động
- C. Tái hiện âm thanh tiếng hót
- D. Tái hiện hình dáng, màu sắc

Câu 4. Theo bài viết, các loài chim trong thành phố Hà Nội được thoải mái bay lượn, không sợ săn bắn vào khoảng thời gian nào?

- A. Khoảng cuối những năm 60 thế kỉ trước
- B. Khoảng giữa những năm 50 thế kỉ trước
- C. Khoảng đầu những năm 50 thế kỉ trước
- D. Khoảng giữa những năm 60 thế kỉ trước

Câu 5. Câu văn nào sau đây nêu được nội dung khái quát cho ba câu còn lại?

A. Hà Nội những năm 50, 60 của thế kỉ trước là một sân chim vô cùng phong phú.

B. Những con chích choè than đậu chót vót trên ngọn cây cất tiếng hót từng hồi dài.

thực thành phố vắng tiếng chim?

C. Từng đàn chim sáo đen, sáo mỏ nghệ, sáo nâu kéo về từ mạn Hòa Bình xôn xao trò chuyện

D. Ngoài bãi sông, trong những tầng cây thấp là tiếng con chim gọi vẹt chập chờn theo tiếng sóng

Câu 6. Câu văn nào sau đây như một lời than buồn bã của tác giả trước hiện thực thành phố vắng tiếng chim?

A. Chim chào mào dạn người sống khắp nơi trong thành phố.

B. Loài chim này rất hiếm khi người ta có thể nhìn thấy chúng.

C. Lũ chào mào coi tất cả cây cối như nhà riêng của chúng.

D. Giờ người Hà Nội chỉ chơi chim cảnh nuôi nhốt trong lồng.

Câu 7. Qua văn bản trên, có thể thấy tác giả là người như thế nào?

A. Có tình yêu tha thiết với các thành phố nhiều cây xanh

B. Có hiểu biết phong phú và rất yêu quý tiếng chim

C. Có ý thức bảo vệ, giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp

D. Có thái độ phê phán việc nuôi chim cảnh trong thành phố

Câu 8. Biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong câu nào?

A. Những con quạ đen khẽ khà kêu khoái trá trên những cây gạo ngoài bãi sông cùng với chim khách, chim cà cưỡng.

B. Từng đàn chim sáo đen, sáo mỏ nghệ, sáo nâu kéo về từ mạn Hoà Bình Xôn xao trò chuyện.

C. Ngoài bãi sông, trong những tầng cây thấp là tiếng con chim gọi vẹt chập chờn theo tiếng sóng.

D. Giọng sơn ca thỉnh thoảng vút cao giữa tầng không trong vắt như nhạc xuống từ trời.

Câu 9. Thông điệp chính mà tác giả muốn chuyển đến bạn đọc qua văn bản *Tiếng chim trong thành phố* là gì?

Câu 10. Theo em, cần có những biện pháp nào để bảo vệ các loài chim.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

9. C	10.B	3.A	4.B	5.A	6.D	7.B	8.D
-------------	-------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------

Câu 9. Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm: Thành phố Hà Nội cần có chính sách và quy định để bảo vệ các loài chim trong thành phố. Mỗi người dân cũng cần có ý thức để bảo vệ các loài chim.

Câu 10. Những biện pháp để bảo vệ các loài chim:

- Không săn bắt các loài chim quý hiếm.
- Xây dựng khu bảo tồn các loài chim quý hiếm.
- Bảo vệ môi trường sống của các loài chim.
- Tăng cường bảo vệ và chăm sóc các loài chim.
- Hạn chế săn bắt và nuôi chim làm cảnh.
- Tuân theo các biện pháp và tuyên truyền các biện pháp này cho người thân và hàng xóm để bảo vệ các loài chim.

Đề số 4:

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

MỘT THỨ QUÀ CỦA LÚA NON: CỎM

Cơn gió mùa thu hạ lướt qua vùng sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết. Các bạn ngửi thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, ngửi thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không? trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị mùi hoa cỏ. Dưới ánh

nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúc càng ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời.

Đợi đến lúc vừa nhất, mà chỉ riêng những người chuyên môn mới định được, người ta gặt mang về. Rồi đến một loạt cách chế biến, những cách thức làm, truyền từ đời này sang đời khác, một sự bí mật trân trọng và khe khắt giữ gìn, các cô gái Vòng làm ra thứ cốm dẻo và thơm ấy. Tất nhiên là nhiều nơi cũng biết cách thức làm cốm, nhưng không có đâu làm được cốm dẻo, thơm và ngon được ở làng Vòng, gần Hà Nội. Tiếng cốm Vòng đã lan khắp tất cả ba kỳ, và đến mùa cốm, các người ở Hà Nội 36 phố phường vẫn thường ngóng trông cô hàng cốm xinh xinh, áo quần gọn ghẽ, với cái dấu hiệu đặc biệt là cái đòn gánh hai đầu cong vút lên như chiếc thuyền rồng ...

Cốm là thức quà đặc biệt riêng của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ Việt Nam. Ai nghĩ đầu tiên dùng cốm để làm quà siêu tết? Không có gì hợp hơn với sự vương vít của tơ hồng, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi. Hồng cốm tốt đôi ... Và không bao giờ có hai màu lại hòa hợp hơn nữa: màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già. Một thứ thanh đậm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để hạnh phúc được lâu bền. (Thật đáng tiếc khi chúng ta thấy những tục lệ tốt đẹp ấy mất dần, và những thức quý của đất mình thay dần bằng những thức bóng bẩy hào nháng và thô kệch bắt chước nước ngoài: những kẻ mới giàu vô học có biết đâu thưởng thức được những vẻ cao quý kín đáo và nhũn nhặn?).

Cốm không phải là thức quà của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ. Lúc bấy giờ ta mới thấy thu lại cả trong hương vị ấy, cái mùi thơm phức của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ: trong màu xanh của cốm, cái tươi mát của lá non, và trong chất ngọt của cốm, cái dịu dàng thanh đậm của loài thảo mộc. Thêm vào cái mùi hơi ngát của lá sen già, ướp lấy từng hạt cốm một, còn giữ lại cái ẩm áp của những ngày mùa hạ trên hồ. Chúng ta có thể nói rằng trời

sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh cốm nằm ủ trong lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ và tinh khiết, không có mảy may chút bụi nào. Hỡi các bà mua hàng! Chớ có thọc tay mân mê thức quả thần tiên ấy, hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chút chiu mà vuốt ve ... Phải nên kính trọng cái lộc của Trời, cái khéo léo của người, và sự cố tiềm tàng và nhẫn nại của thần lúa. Sự thưởng thức của các bà sẽ được trang nhã và đẹp đẽ hơn và cái vui cũng sẽ tươi sáng hơn nhiều lắm.

Cốm để nguyên chất ăn bao giờ cũng ngon và nhiều vị. Tất cả những cách thức đem nấu khác chỉ làm cho thức quả ấy bớt mùi thơm và chất dẻo đi thôi. Tuy vậy, nhiều người ưa cái thứ cốm xào, thắng đường rất quánh. Thành ra một thứ quả ngọt sắc và dính răng. Như vậy tưởng mua bánh cốm mà ăn lại còn thú vị hơn. Ở Hà Nội, người ta còn làm một thứ chả cốm, nhưng cái thanh đạm của vị lúa không dễ ăn với cái béo tục của thịt, mỡ. Tôi thích hơn thứ chè cốm, nấu vừa đường và không đặc. Ít ra ở đây cốm cũng còn giữ được chút ít vị thơm và chất dẻo, và chè cốm ăn cũng mát và lạnh. Nhưng cũng chẳng gì hơn là một lá cốm Vòng tươi sạch trong một chiếc lá sen mới hái về.

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại gì?

- A. Truyện cổ tích
- B. Tùy bút**
- C. Truyện ngắn
- D. Truyện đồng thoại

Câu 2. Văn bản đã viết về những phương diện nào?

- A. Nguồn gốc và cách thức làm cốm
- B. Vẻ đẹp và công dụng của cốm
- C. Sự thưởng thức cốm
- D. Cả 3 phương diện trên**

Câu 3. Theo người viết, ăn cốm phải ăn như thế nào?

- A. Ăn nhanh, ăn lúc còn nóng.
- B. Ăn từ từ, mỗi lần ăn nhiều để cảm nhận được vị ngon
- C. Ăn nhanh, ăn nhiều, ngẫm nghĩ
- D. Ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ.**

Câu 4. Phó từ “cũng” trong câu “Cơm để nguyên chất ăn bao giờ cũng ngon và nhiều vị” bổ sung ý nghĩa gì?

- A. Quan hệ thời gian
- B. Sự tiếp diễn tương tự**
- C. Quan hệ tương phản
- D. Chỉ mức độ

Câu 5. Món cơm vòng cho thấy phong cách ăn uống gì của người Hà Nội?

- A. Khẩu vị ăn cay của người Huế
- B. Sự chế biến tỉ mỉ, cầu kì của người Huế
- C. Khẩu vị ăn cay và sự cầu kì, tỉ mỉ trong chế biến của người Huế**
- D. Sự vô vàng, hời hợt trong cách ăn uống

Câu 6. Câu văn nói rõ nhất giá trị đặc sắc chứa đựng trong hạt cơm?

- A. Cơm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam.**
- B. Không còn gì hợp hơn với sự vắn vít của tơ hồng, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi.
- C. Và không bao giờ có hai màu lại hòa hợp hơn được nữa: màu xanh tươi của cơm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già.
- D. Một thứ thanh đậm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để được hạnh phúc lâu bền.

Câu 7. Nội dung của văn bản trên là gì?

- A. Ca ngợi lúa non, cơm, thức quà ngon và độc đáo

B. Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, những cánh đồng, mang trong mình hương vị mộc mạc, giản dị thanh khiết của đồng quê nội cỏ.

C. Những khám phá, phát hiện ra giá trị độc đáo, đặc trưng của thức quà cốm, giản dị

D. Cả B và C đều đúng

Câu 8. Câu văn “Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước đồng quê nội cỏ An Nam.” nói đến vấn đề gì ?

A. Kể về nguồn gốc của cốm Vòng.

B. Ca ngợi giá trị của cốm Vòng.

C. Miêu tả cách thức làm cốm Vòng.

D. Bàn về sự thương thức cốm Vòng.

Câu 9. Theo em, cái tôi của tác giả thể hiện trong văn bản này như thế nào?

Câu 10. Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua văn bản là gì?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1.B	2.A	3.D	4.B	5.C	6.A	7.A	8.B
------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------

Câu 9. Cái tôi của tác giả được thể hiện trong “Chuyện cơm hến” là cái tôi yêu quê hương, yêu những nét văn hóa ẩm thực độc đáo của quê hương mình.

Câu 10. Thông điệp: Hãy trân trọng, giữ gìn những đặc sản của địa phương, và nuôi dưỡng những nét đẹp văn hoá của quê hương.

Đề số 5:

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

MÙA PHOI SÂN TRƯỚC

Hồi con nít thích đi xe đạp về nhà ngoại bằng con đường xóm cặp mé sông Rạch Rập. Đường đất dầm dãi suốt một em con: mùa mưa, chúng' gió chướng thổi

về mới ráo tạnh bùn lầy. Đến Chạp thì những chân trâu cũng bị bôi xóa hết, có thể đạp xe thông dong mà đã đời nghiêng ngó.

Mùa Chạp đi bảy cây số không nghe mỏi. Gió chướng khoác lên làng mạc một vẻ mơ màng, đường uốn lượn theo sông, và dòng chảy đó thấm suốt thoát ản thoát hiện sau những lùm cây hoang dại. Dọc đường thấy Tết lấp ló khắp nơi, trên sân nhà người, trên những giàn phơi.

Người nhà quê hồi mình con nít toàn người nghèo, sân nhà quê hồi ấy cũng rất sân đất, nên nhà nào cũng cắm cái giàn trước nhà, suốt sáu tháng mưa, sân chim trong nước cũng có chỗ mà đem phơi củ, hay gói, chiếu. Những ngày hứng nắng trên giàn luôn có thứ gì đó ngóng nắng, khi cảm mốc, khi thì mở bột gạo thừa trong lúc làm bánh, khi thì mở cơm nguội hay mở lá dứa khô dùng để nhen lửa, mảy trái đậu bắp giả làm giống cho mùa sau,... Phơi trên giàn mọi thứ khô mau, vì nắng ngun ngút trên mặt, gió lộng phía lưng. Những nhà có sân rộng người ta còn phơi lúa trên giàn, lúa khô đem vô bỏ được mấy hôm đã thấy trên mặt sân xâm xấp nước lúa rảy" đã lấm tẩm xanh. Qua nhà nào có trẻ nhỏ gặp những tấm chiếu manh con con nằm uống nắng.

Càng gần về cuối năm gian phơi càng bận rộn. Dầu dãi oằn mình suốt năm, giờ trên giàn bày ra những món ngon chuẩn bị cho cuộc hội hè. Bánh phồng vừa quét xong, củ kiệu mới trộn đường xong, mứt gừng mới ngào nửa lửa,... thứ nào cũng ưa nắng. Nhưng cá khô mới là ưa nắng nhứt hạng, mới cần thứ nắng rông rơng như thấp lửa, thứ nắng như chảy trên đầu. Mùa Chạp cả làm địa người ta lớp rọng lớp làm mắm để ăn dần dần cho tới mùa lúa sau, mở xẻ làm khô ăn Tết. Mùa địa kéo dài cả tháng nghĩa là lúc nào giàn phơi cũng đầy những con cá năm nhuộm nắng cho đỏ au da thịt.

Mùa Chạp thể nào cũng gặp người ta ép chuối khô. Chuối xiêm chín cây sẵn ngoài vườn, lột vỏ phơi một nắng, rồi đem ép mỏng. Không như củ khô rử rử bọn ruồi nhặng đến mức phải đốt năm nhang cắm nơi đầu gió để xua đuổi chúng, mật chuối tươm ướt rượt chỉ mê dụ quyền rũ lũ ong. Kéo tới đập dùi, lão đảo bay đầu

như say, những con ong sa đà ở giàn phơi cho đến khi những miếng chuối ép mỏng bắt đầu khô quắt, vàng óng như vua nướng trên than hồng. Chuối phơi đủ nắng có thể ăn tới ra Giêng, mật lặn vào trong vừa ăn vừa tợp miếng trà, hoặc ngào qua với khóm, me.... đem dầm nước đá uống cũng ngon thấu trời. Vậy là nước miếng mình tứa ra, trên từng mét đường về nhà ngoại. Tâm hồn mệt nhoài với những món ăn cực kì mời gọi trong sân thiên hạ. Đang thèm tô cơm nguội chan nước dừa ăn với khô lóc nướng thì bỗng nghĩ giờ phải có thịt kho Tàu để ăn với dưa kiệu nhà kia, rồi cái hủ mắm tép dầm nắng sát hàng rào làm mình nhớ nhung chuối chát, khế chua cùng với gừng xắt mịn thì mâm mứt tắc" đỏ au đằng kia làm mình làm chết một cách lim dim như tụi kiến Chân rõ ràng không mời, nhưng tâm rã rời, cứ chạy theo đeo đuổi một trên những giàn phơi. Hụt hơi, chơi với. Có lần về nhà kêu má Tết này làm những món này nấy, những món mà mình nhìn thấy mang theo trên suốt chặng đường từ nhà ngoại về. Má cười, người ta có đâu có nghĩa là mình phải có.

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại gì?

- A. Truyện cổ tích
- B. Tản văn**
- C. Truyện ngắn
- D. Truyện đồng thoại

Câu 2. Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất**
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ ba
- D. Ngôi kể khác

Câu 3. Người dân quê của tác giả phơi trên sân những gì?

- A. “củi”, “gỏi”, “chiếu” hay “cám mốc”, “mớ bột gạo, mớ “cơm nguội thừa”,
- B. “bánh gừng”, “củ kiệu”, mứt “gừng”

C. Cá khô, chuối xiêm

D. Cả ba đáp án trên.

Câu 4. Từ “má” là từ địa phương của miền nào?

A. Miền Bắc

B. Miền Trung

C. Miền Tây

D. Tây Nguyên

Câu 5. Chủ đề của văn bản là:

A. Những món ăn đặc trưng của quê hương

B. Những kỉ niệm gắn với cảnh đẹp của quê hương

C. Kỉ niệm quê hương, về thiên nhiên cảnh vật

D. Những loài hoa đẹp của quê hương

Câu 6. Em cảm nhận được điều gì về cái “tôi” của tác giả đã thể hiện trong văn bản?

A. Đó là một cái “tôi” nhẹ nhàng sâu lắng, đầy hoài niệm qua những câu chữ nhẹ nhàng, những kỉ niệm tuổi thơ gắn với sân phơi kí ức.

B. Đó là một cái “tôi” sôi nổi, hào hứng đầy nhiệt huyết khi nhớ về những kỉ niệm của tuổi thơ.

C. Đó là một cái tôi mê đắm, tài hoa, uyên bác

D. Đó là một cái “tôi” khát khao sống, khát khao yêu thương.

Câu 7. Giá trị nội dung của văn bản là:

A. Văn bản đã kể lại cảm xúc của tác giả khi nhớ về tuổi thơ đạp xe về nhà ngoại

B. Văn bản đã kể lại những kỉ niệm của tác giả gắn liền với những món ăn quê hương.

C. Văn bản đã kể lại những kỉ niệm của tác giả gắn liền với những trò chơi dân gian.

D. Văn bản đã ghi lại cảm xúc của tác giả khi nhớ về tuổi thơ đạp xe về nhà ngoại: đâu đâu cũng thấy người ta phơi đồ trên sân.

Câu 8. Tìm phó từ trong câu “Tâm hồn mệt mỏi với những món ăn cực kì mới gọi trong sân thiên hạ.”

A. Những

B. Mới

C. Trong

D. Sân

Câu 9. Nhận xét về chất trữ tình trong văn bản.

Câu 10. Văn bản giúp em hiểu gì về tình cảm của người viết với quê hương.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. B	2.A	3.D	4.C	5.C	6.A	7.D	8.A
-------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------

Câu 9. Nhận xét về chất trữ tình trong văn bản:

- Chất trữ tình nhẹ nhàng

- Chất trữ tình góp phần thể hiện cảm xúc của tác giả, tạo cho bài văn mạch chất trữ tình nên thơ.

Câu 10. Văn bản giúp em hiểu về tình cảm của người viết với quê hương:

Văn bản cho thấy sự gắn bó sâu nặng của tác giả - người con xa quê - với quê nhà. Đó là cảm xúc hoài niệm nhớ nhung về tuổi thơ, tình cảm yêu quê hương tha thiết. Với nhà văn, những hình ảnh, đặc trưng của quê hương luôn khắc ghi trong tâm trí.